

## HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO HÀNG RỘNG RÃI XÂY LẮP

Tên gói mua sắm: Cải tạo xây dựng và cung cấp, lắp đặt nội thất, thiết bị

Công trình: CTSC phòng họp tầng 16 Tòa MB Sunny 259 Trần Hưng Đạo

Phát hành ngày: .....

Ban hành kèm theo Tờ

trình phê duyệt: 155.5./TTx...HC...QLXD

Đơn vị lập hồ sơ yêu cầu  
PHÒNG QUẢN LÝ XÂY DỰNG  
Phó Phòng

Nguyễn Tiến Tuấn

Bên mời chào hàng

NGÂN HÀNG TMCP QUÂN ĐỘI



GIÁM ĐỐC KHỐI HÀNH CHÍNH

Nguyễn Trần Phương

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

|                 |                                                                                                                                                  |
|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Chủ đầu tư      | Chủ đầu tư đối với gói mua sắm thuộc dự án đầu tư phát triển, bên mời chào hàng đối với gói mua sắm thuộc dự toán mua sắm thường xuyên           |
| Công trình      | Công trình đầu tư phát triển hoặc dự toán mua sắm thường xuyên                                                                                   |
| ĐKHĐ            | Điều kiện của hợp đồng                                                                                                                           |
| HSYC            | Hồ sơ yêu cầu                                                                                                                                    |
| HSDX            | Hồ sơ đề xuất                                                                                                                                    |
| Luật đấu thầu   | Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 (Vận dụng)                                                                                                         |
| Nghị định 63/CP | Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu (Vận dụng) |
| VND             | Đồng Việt Nam                                                                                                                                    |

## **Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP**

### **Mục 1. Phạm vi gói mua sắm**

1. Bên mời chào hàng Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) mời nhà cung cấp tham gia chào hàng rộng rãi gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Cải tạo xây dựng và cung cấp, lắp đặt nội thất, thiết bị.

2. Nguồn ngân sách để thực hiện gói mua sắm: Ngân sách cải tạo sửa chữa các tòa nhà Trụ sở của MB.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện hợp đồng: 30 ngày.

### **Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào hàng**

Hành vi bị cấm trong chào hàng là hành vi quy định tại Điều 89 Luật đấu thầu.

### **Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp**

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự chào hàng theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong chào hàng theo quy định như sau:

a) Nhà cung cấp tham dự chào hàng không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với: Ngân hàng TMCP Quân đội, địa chỉ số 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội, trừ trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời chào hàng, nhà cung cấp tham dự chào hàng thuộc cùng một tập đoàn kinh tế nhà nước và sản phẩm thuộc gói mua sắm là đầu vào của Chủ đầu tư, Bên mời chào hàng, là đầu ra của nhà cung cấp tham dự chào hàng, đồng thời là ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính của tập đoàn;

b) Nhà cung cấp tham dự chào hàng không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà cung cấp tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên. Cụ thể như sau:

- Tư vấn lập hồ sơ thiết kế, dự toán: Công ty Cổ phần Long An Thành, địa chỉ Số 21, Đường 212, Phường Phước Long A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

c) Nhà cung cấp tham dự chào hàng không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý với: Ngân hàng TMCP Quân đội, địa chỉ số 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội

### **Mục 4. Làm rõ, sửa đổi HSYC, khảo sát hiện trường**

1. Làm rõ HSYC

Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào hàng muộn nhất vào ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX 03 ngày làm việc. Khi nhận được đề nghị làm rõ HSYC của nhà cung cấp, bên mời chào hàng sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã mua hoặc nhận HSYC từ bên mời chào hàng, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì bên mời chào hàng tiến hành sửa đổi HSYC theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

## **2. Sửa đổi HSYC**

Trường hợp sửa đổi HSYC, bên mời chào hàng sẽ gửi văn bản sửa đổi kèm theo những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận HSYC không muộn hơn tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi HSDX, bên mời chào hàng có thể gia hạn thời điểm hết hạn nhận HSDX quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi HSYC.

## **3. Khảo sát hiện trường**

Nhà cung cấp được phép khảo sát hiện trường để phục vụ việc lập HSYC. Các chi phí, rủi ro trong quá trình khảo sát hiện trường do nhà cung cấp tự chi trả. Nhà cung cấp cần liên hệ trước với bên mời chào hàng để được bố trí tiếp cận hiện trường theo yêu cầu.

## **Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào hàng**

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào hàng.

2. Đồng tiền tham dự chào hàng và đồng tiền thanh toán là VND.

3. HSDX cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến HSDX được trao đổi giữa bên mời chào hàng và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong HSDX có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào hàng có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

## **Mục 6. Thành phần của HSDX**

HSDX do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu;

3. Thỏa thuận liên danh nếu là nhà cung cấp liên danh theo Mẫu số 03 – Biểu mẫu;

4. Bảo lãnh dự thầu theo Mẫu số 04a hoặc Mẫu số 04b Chương III – Biểu mẫu;

5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp và tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp;

6. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu;

7. Các nội dung khác (nếu có).

## **Mục 7. Giá chào và giảm giá**

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của HSYC.

2. Nhà cung cấp phải nộp HSDX cho toàn bộ công việc nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho tất cả các công việc nêu trong cột “Mô tả công việc mời chào hàng” tại Bảng tổng hợp giá chào quy định tại Mẫu số 05 Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong HSYC và không được chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong HSDX hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nhận HSDX. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào hàng bảo quản như một phần của HSDX và được mở đồng thời cùng HSDX của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng HSDX và không được ghi vào biên bản mở HSDX thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDX của nhà cung cấp sẽ bị loại.

#### **Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSDX**

1. Thời gian có hiệu lực của HSDX là 90 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX. HSDX nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDX, bên mời chào hàng có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSDX đồng thời yêu cầu nhà cung cấp gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì HSDX của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp và trong trường hợp này nhà cung cấp được nhận lại bảo đảm dự thầu. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDX.

#### **Mục 9. Bảo đảm dự thầu**

1. Nhà cung cấp phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm hết hạn nhận HSDX theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng khác Ngân hàng TMCP Quân đội hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành. Trường hợp sử dụng thư bảo lãnh thì phải áp dụng theo Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp độc lập hoặc Mẫu thư bảo lãnh dành cho nhà cung cấp liên danh theo quy định tại HSYC này hoặc một Mẫu thư bảo lãnh khác nhưng phải bao gồm đầy đủ nội dung cơ bản của bảo lãnh dự thầu.

2. Nội dung và hiệu lực của bảo đảm dự thầu

a) Giá trị và đồng tiền bảo đảm dự thầu: 31.000.000 VND.

b) Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: 120 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX.

3. Bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại khoản 2 Mục này, không đúng tên bên mời chào hàng (đơn vị thụ hưởng), không phải là bản gốc và không có chữ ký hợp lệ hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho bên mời chào hàng, chủ đầu tư.

4. Việc tịch thu, hoàn trả hoặc giải tòa bảo đảm dự thầu thực hiện theo quy định nêu tại khoản 8 Điều 11 Luật đấu thầu và khoản 1 Điều 19 Nghị định 63/CP.

#### **Mục 10. Quy cách HSDX**

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc cùng 02 bản chụp HSDX đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT”.

Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDX thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDX đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HỒ SƠ ĐỀ XUẤT THAY THẾ”.

2. Túi đựng HSDX, HSDX sửa đổi, HSDX thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào hàng. Bên mời chào hàng có trách nhiệm bảo mật thông tin trong HSDX của nhà cung cấp.

3. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì HSDX của nhà cung cấp bị loại.

4. Tất cả các thành phần của HSDX nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền).

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

#### **Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi HSDX**

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi HSDX theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào hàng nhưng phải đảm bảo bên mời chào hàng nhận được trước thời điểm hết hạn nhận HSDX là 15 giờ 00 ngày 14 tháng 11 năm 2023.

2. Bên mời chào hàng sẽ tiếp nhận HSDX của tất cả nhà cung cấp đã nhận HSYC và nộp HSDX trước thời điểm hết hạn nhận HSDX. Trường hợp nhà cung cấp nộp HSDX sau thời điểm hết hạn nhận HSDX thì HSDX bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại HSDX bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào hàng trước thời điểm hết hạn nhận HSDX.

Trước thời điểm hết hạn nhận HSDX, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế HSDX thì nhà cung cấp nộp HSDX thay thế hoặc HSDX sửa đổi cho bên mời chào hàng với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

## Mục 12. Mở HSDX

1. Bên mời chào hàng tiến hành mở công khai HSDX của các nhà cung cấp vào lúc 15 giờ 10 ngày 14 tháng 11 năm 2023 tại Phòng Quản lý Xây dựng Ngân hàng TMCP Quân đội, Tầng 7, tòa nhà MB số 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội trước sự chứng kiến của các nhà cung cấp tham dự lễ mở HSDX. Việc mở HSDX không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà cung cấp tham dự chào hàng.

2. Việc mở HSDX được thực hiện đối với từng HSDX theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc HSDX và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDX, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà bên mời chào hàng thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở HSDX mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào hàng phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy ủy quyền, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào hàng không được loại bỏ bất kỳ HSDX nào khi mở HSDX, trừ các HSDX nộp sau thời điểm hết hạn nhận HSDX.

3. Bên mời chào hàng phải lập biên bản mở HSDX trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở HSDX phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào hàng và các nhà cung cấp tham dự lễ mở HSDX. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Bản chụp biên bản mở HSDX sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự lễ mở HSDX.

## Mục 13. Làm rõ HSDX

1. Sau khi mở HSDX, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSDX theo yêu cầu của bên mời chào hàng.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình đến bên mời chào hàng muộn nhất vào ngày sau ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX 10 ngày. Bên mời chào hàng có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của HSDX.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp và không thay đổi giá chào.

## Mục 14. Nhà cung cấp phụ

1. Trường hợp nhà cung cấp cần sử dụng nhà cung cấp phụ thì phải kê khai danh sách nhà cung cấp phụ theo Mẫu số 07a Chương III – Biểu mẫu. Việc sử dụng nhà cung cấp phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà cung cấp chính. Nhà cung cấp chính phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà cung cấp phụ thực hiện. Việc thay thế, bổ sung nhà cung cấp phụ ngoài danh sách nhà cung cấp phụ đã kê khai chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà cung cấp chính chỉ được sử dụng nhà cung cấp phụ thực hiện các công việc với

tổng giá trị dành cho nhà cung cấp phụ không vượt quá 50% giá chào của nhà cung cấp.

3. Nhà cung cấp phụ đặc biệt: không được phép sử dụng.

Trong trường hợp được phép sử dụng nhà cung cấp phụ đặc biệt, nhà cung cấp chính phải kê khai danh sách nhà cung cấp phụ đặc biệt theo Mẫu số 07b Chương III – Biểu mẫu và kê khai về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ đặc biệt. Bên mời chào hàng sẽ đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ đặc biệt theo tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Mục 2.3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Trường hợp nhà cung cấp phụ đặc biệt không đáp ứng yêu cầu của HSYC và nhà cung cấp chính không có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc đã dành cho nhà cung cấp phụ đặc biệt thì HSDX của nhà cung cấp được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu của HSYC.

**Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp**

1. Nội dung ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện như sau: không áp dụng.
2. Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ, tài liệu chứng minh nếu nhà cung cấp thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.

**Mục 16. Đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX. Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá và sau khi tính ưu đãi thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: báo cáo đánh giá HSDX; HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của nhà cung cấp; HSYC.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC;

b) Trong quá trình đánh giá HSDX và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào hàng nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào hàng yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDX chưa có đơn giá thì bên mời chào hàng báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDX của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự chào hàng thấp nhất trong số các HSDX của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSYC và HSDX, giữa các nội dung khác nhau trong HSDX có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong HSDX (nếu có);

c) Thương thảo về nhân sự chủ chốt

Trong quá trình thương thảo, nhà cung cấp không được thay đổi nhân sự chủ chốt đã đề xuất trong HSDX, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSDX kéo dài hơn so với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng mà các vị trí nhân sự chủ chốt do nhà cung cấp đã đề xuất không thể tham gia thực hiện hợp đồng. Trong trường hợp đó, nhà cung cấp được quyền thay đổi nhân sự khác nhưng phải bảo đảm nhân sự dự kiến thay thế có trình độ, kinh nghiệm và năng lực tương đương hoặc cao hơn với nhân sự đã đề xuất và nhà cung cấp không được thay đổi giá chào;

đ) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, bên mời chào hàng báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

#### **Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng chào hàng**

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng chào hàng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có HSDX hợp lệ;
2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX;
4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;
5. Có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá và sau khi tính ưu đãi (nếu có) thấp nhất;
6. Có giá đề nghị trúng chào hàng không vượt dự toán gói mua sắm được phê duyệt.

#### **Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp**

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào hàng theo đường bưu điện, fax.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời chào hàng sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp.

#### **Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDX của nhà cung cấp được lựa chọn còn hiệu lực.
2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp, nếu vẫn đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Trường hợp thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo quy định nêu trong HSYC thì chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà cung cấp. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

#### **Mục 20. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp trúng thầu phải cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng khác Ngân hàng TMCP Quân đội hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc với giá trị và nội dung theo quy định tại Điều 9 Chương V - Dự thảo hợp đồng ban hành kèm HSYC này. Trường hợp nhà cung cấp sử dụng thư bảo lãnh thực hiện hợp đồng thì phải lập theo Mẫu số 9 Chương V hoặc một mẫu khác được chủ đầu tư chấp thuận.

2. Nhà cung cấp không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:

- a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;
- b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

#### **Mục 21. Giải quyết kiến nghị trong chào hàng**

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào hàng rộng rãi khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Luật đấu thầu và Mục 2 Chương XII của Nghị định 63/CP.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

- Ngân hàng TMCP Quân đội
- Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tel: 024.62661088 Fax: 024.62661080

b) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của người có thẩm quyền:

- Ngân hàng TMCP Quân đội
- Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tel: 024.62661088 Fax: 024.62661080

c) Địa chỉ bộ phận thường trực giúp việc của Hội đồng tư vấn:

- Ngân hàng TMCP Quân đội
- Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tel: 024.62661088 Fax: 024.62661080

#### **Mục 22. Theo dõi, giám sát quá trình lựa chọn nhà cung cấp**

Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà cung cấp có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ theo dõi, giám sát theo địa chỉ sau:

- Ngân hàng TMCP Quân đội
- Địa chỉ: Số 18 Lê Văn Lương, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Tel: 024.62661088 Fax: 024.62661080

## **Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX**

### **Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

#### **1.1. Kiểm tra HSDX**

- a) Kiểm tra số lượng bản chụp HSDX;
- b) Kiểm tra các thành phần của HSDX theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDX.

#### **1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của HSDX**

HSDX của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- a) Có bản gốc HSDX;
- b) Có đơn chào hàng được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSYC. Đối với nhà cung cấp liên danh, đơn chào hàng phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn chào hàng theo phân công trách nhiệm trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải đáp ứng yêu cầu nêu trong HSYC;
- d) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào hàng;
- đ) Thời gian có hiệu lực của HSDX đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- e) Có bảo đảm dự thầu đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;
- g) Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là nhà cung cấp chính (nhà cung cấp độc lập hoặc thành viên trong liên danh);
- h) Có thỏa thuận liên danh với đầy đủ thông tin theo Mẫu số 03 Chương III – Biểu mẫu;
- i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

#### **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Đối với nhà cung cấp liên danh thì năng lực, kinh nghiệm được xác định bằng tổng năng lực, kinh nghiệm của các thành viên liên danh song phải bảo đảm từng thành viên liên danh đáp ứng năng lực, kinh nghiệm đối với phần việc mà thành viên đó đảm nhận trong liên danh; nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh không đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm thì nhà cung cấp liên danh được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu. Đối với gói mua sắm chia thành nhiều phần độc lập, năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp sẽ được đánh giá tương ứng với phần mà nhà

cung cấp tham dự chào hàng.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDX của nhà cung cấp chính (trừ trường hợp HSYC quy định được phép sử dụng nhà cung cấp phụ đặc biệt). Bản thân nhà cung cấp chính phải đáp ứng các tiêu chí về năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ).

Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo các tiêu chuẩn quy định tại các Mục 2.1, 2.2 và 2.3 Chương này. Nhà cung cấp được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại các Mục 2.1, 2.2 và 2.3 Chương này.

## 2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm:

Việc đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM**

| Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                  | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                           |                                    | Tài liệu cần nộp |
|------------------------------------------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------------------------|------------------|
| TT                                             | Mô tả                             | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                          | Nhà cung cấp độc lập      | Nhà cung cấp liên danh        |                           |                                    |                  |
|                                                |                                   |                                                                                                                                                                                                                                                  |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh | Tối thiểu một thành viên liên danh |                  |
| 1                                              | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến thời điểm hết hạn nhận HSDX, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành.                                                                                                                                   | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                      | Mẫu số 08A       |
| 2                                              | Số năm kinh nghiệm                | Có ít nhất 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thi công xây dựng công trình.                                                                                                                                                                       | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                      |                  |
| 3                                              | Các yêu cầu về tài chính          |                                                                                                                                                                                                                                                  |                           |                               |                           |                                    |                  |
| 3.1                                            | Kết quả hoạt động tài chính       | Nộp báo cáo tài chính từ năm 2020 đến năm 2022 để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của nhà cung cấp.<br><br>Giá trị tài sản ròng của nhà cung cấp trong năm gần nhất phải dương.<br><br>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ). | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                      | Mẫu số 10        |
| 3.2                                            | Doanh thu bình                    | Doanh thu bình quân hàng năm tối thiểu là 4,6 tỷ VNĐ,                                                                                                                                                                                            | Phải thỏa                 | Phải thỏa                     | Phải thỏa mãn             | Không áp                           | Mẫu số           |

| Các tiêu chí năng lực tài chính và kinh nghiệm |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  | Các yêu cầu cần tuân thủ |                           |                               |                                                               | Tài liệu cần nộp |                                    |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|------------------|------------------------------------|
| TT                                             | Mô tả                                                          | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |                          | Nhà cung cấp liên danh    |                               |                                                               |                  |                                    |
|                                                |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                          | Nhà cung cấp độc lập      | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                     |                  | Tối thiểu một thành viên liên danh |
|                                                | quản hàng năm                                                  | trong vòng 3 năm trở lại đây.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |                          | mẫu yêu cầu này           | mẫu yêu cầu này               | yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận)               | đúng             | 11                                 |
| 4                                              | Kinh nghiệm cụ thể trong quản lý và thực hiện hợp đồng xây lắp | Số lượng tối thiểu các hợp đồng tương tự theo mô tả dưới đây mà nhà cung cấp đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn với tư cách là nhà cung cấp chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà cung cấp phụ trong vòng 5 năm trở lại đây (tính đến thời điểm hết hạn nhận HSDX): 02 hợp đồng trong đó có mỗi hợp đồng có giá trị công việc thi công xây lắp công trình dân dụng từ 2,2 tỷ VND trở lên.<br><i>(Nhà cung cấp cung cấp bản chụp được chứng thực các hợp đồng kinh tế và các biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc quyết toán/thanh lý)</i> |  |                          | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đảm nhận) | Không áp dụng    | Mẫu số 14                          |
| KẾT LUẬN                                       |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |  |                          |                           |                               |                                                               |                  |                                    |

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực kỹ thuật

Nhà cung cấp được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật nếu thỏa mãn yêu cầu quy định tại các bảng sau:

### a) Nhân sự chủ chốt:

Nhà cung cấp phải chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

| STT | Vị trí công việc                                  | Tổng số năm kinh nghiệm (tối thiểu __ năm)                        | Kinh nghiệm trong các công việc tương tự (tối thiểu __ năm)                                                                                                                 | Trình độ chuyên môn                                                                                                                                       |
|-----|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Chỉ huy trưởng công trình: 01 người               | Có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực xây dựng. | - Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng ít nhất 01 công trình.<br>- Có chứng chỉ hành nghề giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp hoặc tương đương | Đại học trở lên, thuộc chuyên ngành có liên quan đến kiến trúc/quy hoạch/nội thất hoặc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan đến kết cấu công trình |
| 2   | Cán bộ kỹ thuật: 03 người                         |                                                                   |                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                           |
| 2.1 | Cán bộ kỹ thuật về xây dựng công trình: 01 người  | Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực xây dựng. | Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng ít nhất 01 công trình.                                                                                                              | Đại học trở lên, thuộc chuyên ngành có liên quan đến kiến trúc/quy hoạch/nội thất hoặc chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan đến kết cấu công trình |
| 2.2 | Cán bộ kỹ thuật về cơ – điện công trình: 01 người | Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực xây dựng. | Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng ít nhất 01 công trình.                                                                                                              | Đại học trở lên, thuộc chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến hệ thống kỹ thuật điện/cơ khí/ thông gió - cấp thoát nhiệt.                                 |
| 2.3 | Cán bộ an toàn lao động: 01 người                 | Có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực xây dựng. | - Đã trực tiếp tham gia thi công xây dựng ít nhất 01 công trình.<br>- Có chứng chỉ hoặc chứng nhận đã qua lớp đào tạo về an toàn lao động của tổ chức có thẩm quyền cấp.    | Đại học trở lên.                                                                                                                                          |

*(Nhà cung cấp cung cấp bản chụp được chứng thực bằng cấp, chứng chỉ của các cán bộ)*

Nhà cung cấp phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ

sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06, 16 và 17 Chương III - Biểu mẫu.

**b) Thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói mua sắm:**

Nhà cung cấp phải chứng minh khả năng huy động thiết bị thi công chủ yếu để thực hiện gói mua sắm theo yêu cầu sau đây:

| STT | Loại thiết bị và đặc điểm thiết bị | Số lượng tối thiểu cần có |
|-----|------------------------------------|---------------------------|
| 1   | Máy khoan bê tông                  | 01                        |
| 2   | Máy đục bê tông                    | 01                        |
| 3   | Máy cắt cầm tay                    | 01                        |
| 4   | Máy mài cầm tay                    | 01                        |
| 5   | Máy khoan cầm tay                  | 01                        |
| 6   | Máy cân bằng Laser                 | 01                        |

Nhà cung cấp phải kê khai thông tin chi tiết về các thiết bị thi công chủ yếu dự kiến huy động để thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 18 Chương III - Biểu mẫu.

**2.3. Nhà cung cấp phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng**

Bên mời chào hàng sẽ chỉ xem xét, đánh giá về năng lực kỹ thuật và kinh nghiệm của nhà cung cấp phụ đặc biệt cho phần công việc chuyên ngành, được phép sử dụng nhà cung cấp phụ đặc biệt quy định tại khoản 3 Mục 14 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp. Kinh nghiệm chung của nhà cung cấp phụ đặc biệt sẽ không được cộng vào kinh nghiệm của nhà cung cấp chính khi xem xét kinh nghiệm, năng lực của nhà cung cấp chính. Nhà cung cấp phụ đặc biệt được đề xuất phải có đầy đủ kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật để thực hiện công việc và phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: *[Ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với nhà cung cấp phụ đặc biệt]*.

Nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm được xem xét, đánh giá tiếp về kỹ thuật.

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

Nhà cung cấp phải nộp bản cam kết về việc xây dựng công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong HSYC này, đồng thời huy động nhân sự, thiết bị thi công phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan. Nhà cung cấp phải cam kết bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng.

Nhà cung cấp đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật được xem xét, đánh giá tiếp về giá.

**Mục 4. Xác định giá chào**

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 15 Chương I - Chỉ dẫn nhà cung cấp;

Bước 6: Xếp hạng nhà cung cấp. HSDX có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) và cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu ",", (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào hàng cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong HSDX của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các HSDX của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSDX của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn

giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong HSDX của nhà cung cấp này; trường hợp HSDX của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

**ĐƠN CHÀO HÀNG<sup>(1)</sup>**

Ngày: \_\_\_\_ [*Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng*]

Tên gói mua sắm: \_\_\_\_ [*Ghi tên gói mua sắm theo thông báo mời chào hàng*]

Tên công trình: \_\_\_\_ [*Ghi tên công trình*]

Kính gửi: [*Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_ [*Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, \_\_\_\_ [*Ghi tên nhà cung cấp*], có địa chỉ tại \_\_\_\_ [*Ghi địa chỉ của nhà cung cấp*] cam kết thực hiện gói mua sắm \_\_\_\_ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là \_\_\_\_ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền*]<sup>(2)</sup> cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là \_\_\_\_ [*Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm*]<sup>(3)</sup>.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ đề xuất này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào hàng.
4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào hàng khi tham dự gói mua sắm này.
5. Những thông tin kê khai trong hồ sơ đề xuất là trung thực.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian \_\_\_\_ ngày<sup>(4)</sup>, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(5)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp<sup>(6)</sup>**

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào hàng, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào hàng.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của HSYC.

(5) Ghi ngày hết hạn nhận HSDX theo quy định của HSYC.

(6) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này). Trường hợp nhà cung cấp là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn chào hàng. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà cung cấp độc lập. Nếu nhà cung cấp trúng chào hàng, trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này.

**GIẤY ỦY QUYỀN <sup>(1)</sup>**

Hôm nay, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_, tại \_\_\_\_

Tôi là \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của \_ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại \_ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho \_ [Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng gói mua sắm \_ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_ [Ghi tên công trình] do \_ [Ghi tên bên mời chào hàng] tổ chức:

[- Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự nhà cung cấp, kể cả văn bản đề nghị làm rõ hồ sơ yêu cầu và văn bản giải trình, làm rõ hồ sơ đề xuất;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.] <sup>(2)</sup>

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của \_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp]. \_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do \_\_\_\_ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày \_\_\_\_ đến ngày \_\_\_\_ <sup>(3)</sup>. Giấy ủy quyền này được lập thành \_\_\_\_ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản, người được ủy quyền giữ \_\_\_\_ bản.

**Người được ủy quyền**

**Người ủy quyền**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)] [Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào hàng cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>

\_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

Gói mua sắm: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm]

Thuộc công trình: \_\_\_\_\_ [Ghi tên công trình]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] phát hành ngày \_\_\_\_\_ [ghi ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh \_\_\_\_\_ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại, số fax \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_\_ ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự chào hàng gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_\_\_\_\_ [Ghi tên công trình].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói mua sắm này là: \_\_\_\_\_ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói mua sắm này. Trường hợp trúng chào hàng, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên khác trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_\_\_\_\_ [Ghi tên công trình] đối với từng thành viên như sau:

**1. Thành viên đứng đầu liên danh**Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_\_ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau <sup>(3)</sup>:

[ - Ký đơn chào hàng;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào hàng trong quá trình tham dự chào hàng, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thống nhất phân công công việc như bảng sau:

| STT              | Tên                               | Nội dung công việc đảm nhận              | Giá trị đảm nhận hoặc tỷ lệ % so với tổng giá chào |
|------------------|-----------------------------------|------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| 1                | Tên thành viên đứng đầu liên danh |                                          |                                                    |
| 2                | Tên thành viên thứ 2              |                                          |                                                    |
| ....             | ....                              |                                          |                                                    |
| <b>Tổng cộng</b> |                                   | <b>Toàn bộ công việc của gói mua sắm</b> |                                                    |

### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Nhà cung cấp liên danh không trúng chào hàng;

- Hủy chào hàng gói mua sắm \_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_\_\_\_ [Ghi tên công trình] theo thông báo của bên mời chào hàng.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH**

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói mua sắm, nội dung thỏa thuận liên danh theo Mẫu này có thể được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

(2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

(áp dụng đối với nhà cung cấp độc lập)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_\_ [Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời chào hàng]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng rộng rãi để thực hiện gói mua sắm \_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_\_\_\_ [Ghi tên công trình].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào hàng rộng rãi gói mua sắm này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm hết hạn nhận HSĐX và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà cung cấp vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy chào hàng theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời chào hàng, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng chào hàng của bên mời chào hàng hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng chào hàng: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng chào hàng: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

- (1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.
- (2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.
- (3) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nhận HSĐX theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà cung cấp liên danh)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ của bên mời chào hàng]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [Ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [Ghi số trích yếu của bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng rộng rãi để thực hiện gói mua sắm \_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_\_\_\_ [Ghi tên công trình].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào hàng rộng rãi gói mua sắm này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là \_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ đề xuất sau thời điểm hết hạn nhận HSDX và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà cung cấp vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy chào hàng theo quy định của pháp luật đấu thầu;
3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời chào hàng, trừ trường hợp bất khả kháng;
4. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo trúng chào hàng của bên mời chào hàng hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;
5. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của hồ sơ yêu cầu.

Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_ [Ghi đầy đủ tên của nhà cung cấp liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng chào hàng: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng chào hàng: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau

khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự thầu là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Tên nhà cung cấp có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà cung cấp liên danh, ví dụ nhà cung cấp liên danh A + B tham dự chào hàng thì tên nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà cung cấp liên danh A + B + C tham dự chào hàng, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công cho nhà cung cấp A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà cung cấp ghi là “nhà cung cấp A (thay mặt cho nhà cung cấp liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thoả thuận liên danh phân công nhà cung cấp B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà cung cấp B và C thì tên nhà cung cấp ghi là “Nhà cung cấp B (thay mặt cho nhà cung cấp B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(4) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ CHÀO**

Bên mời chào hàng sẽ đưa ra danh sách các hạng mục công việc của gói mua sắm trong cột “Mô tả công việc mời chào hàng” cùng với đơn vị đo lường và khối lượng mời chào hàng tương ứng, phù hợp với thiết kế bản vẽ thi công đính kèm HSYC này. Mỗi hạng mục sẽ được mô tả chi tiết để hướng dẫn rõ ràng cho nhà cung cấp, bao gồm: loại công việc, phạm vi công việc, mức độ phức tạp, tiêu chuẩn yêu cầu.

Khi tham dự chào hàng, nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm tìm hiểu, tính toán và chào đầy đủ các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có). Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nhận HSDX theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí thì HSDX của nhà cung cấp sẽ bị loại.

| STT | Mô tả công việc mời chào hàng                      | Giá trị trước thuế <sup>(1)</sup> | Thuế VAT 8% <sup>(1)</sup> | Giá trị sau thuế <sup>(1)</sup> |  |
|-----|----------------------------------------------------|-----------------------------------|----------------------------|---------------------------------|--|
| 1   | Phần xây dựng                                      |                                   |                            |                                 |  |
| 2   | Phần điện                                          |                                   |                            |                                 |  |
| 3   | Phần lan thoại                                     |                                   |                            |                                 |  |
| 4   | Phần PCCC                                          |                                   |                            |                                 |  |
| 5   | Phần ĐHKK                                          |                                   |                            |                                 |  |
| 6   | Phần Logo, quảng cáo                               |                                   |                            |                                 |  |
| 7   | Phần nội thất                                      |                                   |                            |                                 |  |
|     | <b>Giá chào</b><br>(Kết chuyển sang đơn chào hàng) |                                   |                            |                                 |  |

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp ghi số tiền được kết chuyển từ Bảng chi tiết giá chào của từng hạng mục công việc tương ứng trong cột “Mô tả công việc mời chào hàng”.

## BẢNG CHI TIẾT GIÁ CHÀO

### Hạng mục: Phần xây dựng

*Đơn vị tính: đồng*

| STT                    | Tên công tác                                                                                         | Nguồn gốc/Xuất xứ, chủng loại, thông số kỹ thuật, vật tư/vật liệu <sup>(2)</sup> | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá <sup>(3)</sup> | Thành tiền <sup>(4)</sup> | Ghi chú |
|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------|------------|------------------------|---------------------------|---------|
| <b>I. PHẦN PHẢI DỠ</b> |                                                                                                      |                                                                                  |        |            |                        |                           |         |
| 1                      | Tháo dỡ thảm trải sàn                                                                                |                                                                                  | m2     | 163.689    |                        |                           |         |
| 2                      | Tháo dỡ gạch ốp tường/gạch lát nền (bao gồm tháo dỡ gạch ốp/lát, đục tẩy làm sạch lớp vữa ốp/lát cũ) |                                                                                  | m2     | 26.285     |                        |                           |         |
| 3                      | Nhân công Đục sàn hiện hữu (Đục tìm công, đo tòa nhà không cho dùng máy)                             |                                                                                  | m2     | 35.300     |                        |                           |         |
| 4                      | Tháo dỡ vách kính, cửa kính cường lực                                                                |                                                                                  | m2     | 49.390     |                        |                           |         |
| 5                      | Tháo dỡ vách thạch cao 1 mặt + 2 mặt                                                                 |                                                                                  | m2     | 62.026     |                        |                           |         |
| 6                      | Tháo dỡ bàn là sàn                                                                                   |                                                                                  | cái    | 7.000      |                        |                           |         |
| 7                      | Tháo dỡ vách ngăn gỗ/lớp gỗ ốp tường, cột                                                            |                                                                                  | m2     | 6.435      |                        |                           |         |

|    |                                          |  |  |     |         |  |  |  |  |
|----|------------------------------------------|--|--|-----|---------|--|--|--|--|
| 8  | Tháo dỡ khuôn cửa gỗ                     |  |  | md  | 10.600  |  |  |  |  |
| 9  | Tháo dỡ cửa gỗ                           |  |  | m2  | 6.040   |  |  |  |  |
| 10 | Tháo dỡ len chân hiện hữu                |  |  | md  | 50.088  |  |  |  |  |
| 11 | Tháo dỡ trần thạch cao, trần nhựa        |  |  | m2  | 189.974 |  |  |  |  |
| 12 | Tháo dỡ rèm (bao gồm khung và rèm)       |  |  | m2  | 84.750  |  |  |  |  |
| 13 | Tháo dỡ lan can sắt                      |  |  | m   | 32.725  |  |  |  |  |
| 14 | Nhân công tháo dỡ hệ thống điện hiện hữu |  |  | gói | 1.000   |  |  |  |  |
| 15 | Chi phí mua bao để đóng phế thải         |  |  | bao | 181.000 |  |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                   |        |         |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|---------|--|--|--|
| 16 | Vận chuyển các loại phế thải từ trên cao xuống bằng thang máy (nếu có) - Bao gồm bóc xếp phế thải vào thang máy và bóc dỡ từ thang máy ra bên ngoài nơi tập kết. |                                                                                                                                   | m3     | 20.977  |  |  |  |
| 17 | Chi phí vận chuyển phế thải đi đổ bằng xe tải 3m3 - Cự ly ≤ 20km                                                                                                 |                                                                                                                                   | chuyển | 12.000  |  |  |  |
|    | <b>II. CÔNG TÁC SÀN</b>                                                                                                                                          |                                                                                                                                   |        | -       |  |  |  |
| 18 | Láng nền sàn không đánh mẫu dày 3cm, vữa XM M75 để lát gạch                                                                                                      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xi măng: Hoàng Thạch/Nghi sơn/Phúc sơn/ Sông giành</li> <li>- Cát: Địa phương</li> </ul> | m2     | 35.300  |  |  |  |
| 19 | Láng nền sàn không đánh mẫu dày 2cm vữa XM M100                                                                                                                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xi măng: Hoàng Thạch/Nghi sơn/Phúc sơn/ Sông giành</li> <li>- Cát: Địa phương</li> </ul> | m2     | 117.000 |  |  |  |
| 20 | Quét Sika kết nối (kết nối sàn bê tông hiện hữu và lớp vữa hoàn thiện mỏng)                                                                                      | Sika Latex TH 25L                                                                                                                 | m2     | 117.000 |  |  |  |

|    |                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |    |         |  |  |  |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|---------|--|--|--|--|
| 21 | CCLD Thảm tấm Mandate 9<br>- 9006 Eagle Rock<br>KT 500x500x6.5 mm<br>( Bao gồm vận chuyển, thi công<br>hoàn thiện theo thiết kế) | 1/12" Multi-Level Loop<br>Graphic<br>Yarn Composition 100%<br>Solution Dyed Olefin<br>Tufted Pile Weight Ca. 610<br>g/m <sup>2</sup> (18 oz/yd <sup>2</sup> ) (+/- 10%)<br>Total Weight Ca. 3670 g/m <sup>2</sup><br>(108 oz/yd <sup>2</sup> )<br>Pile Height Ca. 4 mm (+/-<br>0.5 mm)<br>Total Height Ca. 6 mm (+/-<br>0.5 mm)<br>Stitch Rate 39 per 10 cm<br>Backing ECO Back with<br>Fibre Glass Layer<br>"PVC Free"<br>Tile Size 50 cm x 50 cm<br>Packing 20 pcs per box (5<br>m <sup>2</sup> )<br>Xuất xứ: Trung Quốc | m2 | 117.000 |  |  |  |  |
| 22 | Lát nền, sàn gạch KT<br>600x600mm vữa XM M75                                                                                     | Gạch Granit Taicera màu<br>sáng/ tương đương (TKG<br>P67202N, TKG P87206N)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | m2 | 35.107  |  |  |  |  |
| 23 | Lát nền, sàn bằng gạch<br>600x1200mm, gạch Tây Ban Nha<br>Corcega crema                                                          | Tây Ban Nha                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | m2 | 24.000  |  |  |  |  |
| 24 | Cung cấp và lắp đặt viên đá 360-<br>380 mm ( Viên bo )                                                                           | Đá Granite (Hoa cương) tự<br>nhiên, độ dày 20mm<br>Xuất xứ: Ấn Độ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | md | 35.900  |  |  |  |  |
| 25 | Giá công và đóng chân tường<br>MDF kháng ẩm sơn đen lấy ghim<br>quy cách 12x50mm                                                 | MDF kháng ẩm An Cường                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | m  | 35.405  |  |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                           |                                                                                                                                             |                |        |  |  |  |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|--|--|--|
| 26 | Gia công và đóng chân tường bằng nhựa cao 100mm                                                                                                                                                           | Mã sản phẩm: B8<br>Kích thước (L x W x H):<br>2500mm x 95mm x 15mm<br>Chất liệu: nhựa composite,<br>bề mặt Cán màng UV<br>Xuất xứ: Việt Nam | m              | 23.000 |  |  |  |
| 27 | Cung cấp và lắp đặt nẹp inox vàng mờ 304 Zig Zag giữa hai vật liệu sàn dày 1.5mm                                                                                                                          | Inox 304 T15 dày 1.5mm/<br>Việt Nam                                                                                                         | m              | 3.600  |  |  |  |
|    | <b>III. CÔNG TÁC VÁCH</b>                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                             |                |        |  |  |  |
| 28 | Cung cấp và lắp đặt vách thạch cao 1 lớp 2 mặt, tấm thạch cao tiêu chuẩn 12mm Gyproc, hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool 60kg/m <sup>3</sup>                                    | Tấm thạch cao Gyproc Vĩnh Tường dày 12mm, khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool Thái Lan                                | m <sup>2</sup> | 19.831 |  |  |  |
| 29 | C/CIED cửa kính, vách kính cường lực 12 ly (bao gồm vật tư, nhân công lắp đặt hoàn thiện, chưa bao gồm phụ kiện cửa kính)                                                                                 | Kính cường lực Hải Long/Việt Nhật                                                                                                           | m <sup>2</sup> | 36.942 |  |  |  |
| 30 | Cung cấp và lắp đặt vách thạch cao 1 lớp 2 mặt, 1 mặt tấm thạch cao tiêu chuẩn 12mm Gyproc, 1 mặt MDF kháng ẩm dày 12mm, hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool 60kg/m <sup>3</sup> | Tấm thạch cao Gyproc Vĩnh Tường dày 9mm, khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool Thái Lan                                 | m <sup>2</sup> | 15.640 |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                             |    |        |  |  |  |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------|--|--|--|--|
| 31 | Cung cấp và lắp đặt vách thạch cao 1 lớp 2 mặt, 1 mặt tấm thạch cao tiêu chuẩn 12mm Gyproc, 1 mặt MDF kháng ẩm dày 12mm, hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool 60kg/m3                                                                                                               | Tấm thạch cao Gyproc Vĩnh Tường dày 9mm, khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool Thái Lan | m2 | 13.663 |  |  |  |  |
| 32 | Gia cố vị trí cửa phòng họp 1 bằng sắt hộp 75x75x2mm khoàng cách @1200                                                                                                                                                                                                                                      | Sắt hộp 75x75x2mm Hòa Phát/Việt Nhật hoặc tương đương                                                       | m2 | 5.000  |  |  |  |  |
| 33 | Cung cấp và lắp đặt vách trang trí, khung xương MDF tạo phẳng kháng ẩm dày 18mm, nền MDF kháng ẩm dày 12mm, hoàn thiện MDF kháng ẩm dày 15mm sơn màu theo thiết kế, chày CNC ron 6x6mm sơn màu đen                                                                                                          | MDF kháng ẩm dày 12mm, 15, 18mm/ An Cường                                                                   | m2 | 3.760  |  |  |  |  |
| 34 | Cung cấp và lắp đặt vách trang trí 2 mặt: 1 mặt MDF dày 15mm sơn màu kem theo thiết kế + 1 mặt MDF kháng ẩm dày 15mm phủ veneer silver oak kết hợp chày CNC 9x6@18mm, MDF kháng ẩm dày 15mm sơn màu theo thiết kế chày CNC 9x6@18mm, chày CNC ron 6x6mm sơn màu đen, la inox dày 1.2mm bán 50mm mạ màu vàng | MDF kháng ẩm dày 18mm, veneer silver oak/ An Cường<br>Inox Việt Nam                                         | m2 | 10.810 |  |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                             |    |        |  |  |  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------|--|--|--|
| 35 | Cung cấp và lắp đặt vách 1 lớp 2 mặt, 2 mặt tấm MDF kháng ẩm dày 12mm, hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool 60kg/m <sup>3</sup>                                                              | MDF kháng ẩm dày 12mm/<br>An Cường<br>Hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường/ Việt Nam<br>Bông cách âm Rockwood/<br>Thái Lan | m2 | 21.104 |  |  |  |
| 36 | Cung cấp và lắp đặt vách 1 lớp 1 mặt MDF kháng ẩm dày 12mm, hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, bông cách âm Rockwool 60kg/m <sup>3</sup>                                                                         | MDF kháng ẩm dày 12mm/<br>An Cường<br>Hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường/ Việt Nam<br>Bông cách âm Rockwood/<br>Thái Lan | m2 | 14.725 |  |  |  |
| 37 | Cung cấp và lắp đặt vách trang trí 2 mặt: 1 mặt MDF kháng ẩm dày 12mm sơn màu kem theo thiết kế +1 mặt MDF kháng ẩm dày 12mm phủ veneer silver oak, chạy CNC ron 6x6mm sơn màu đen                                   | MDF kháng ẩm dày 12mm,<br>veneer Silver oak/ An<br>Cường                                                                    | m2 | 48.068 |  |  |  |
| 38 | Cung cấp và lắp đặt vách trang trí, khung xương MDF tạo phẳng kháng ẩm dày 18mm, nền MDF kháng ẩm dày 12mm, hoàn thiện MDF kháng ẩm dày 15mm sơn màu theo thiết kế chạy CNC 9x6@18mm, chạy CNC ron 6x6mm sơn màu đen | MDF kháng ẩm dày 12mm,<br>18mm/ An Cường                                                                                    | m2 | 5.384  |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                          |    |        |  |  |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------|--|--|--|
| 39 | Cung cấp và lắp đặt vách trang trí, hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường, nền MDF kháng ẩm dày 12mm, hoàn thiện MDF kháng ẩm dày 15mm sơn màu kem theo thiết kế, chạy CNC 9x6@18mm                                                                                     | MDF kháng ẩm dày 12mm, 15mm/ An Cường<br>Hệ khung tiêu chuẩn U75-76 Vĩnh Tường/ Việt Nam | m2 | 5.819  |  |  |  |
| 40 | Cung cấp và lắp đặt vách trang trí, khung xương MDF tạo phẳng, kháng ẩm dày 18mm, nền MDF kháng ẩm dày 12mm, hoàn thiện MDF dày 15mm sơn màu kem theo thiết kế, , chạy CNC ron 6x6mm sơn màu đen, MDF kháng ẩm dày 15mm phủ veneer silver oak kết hợp chạy CNC 9x6@18mm | MDF kháng ẩm dày 12mm, 15mm, 18mm, veneer Silver oak/ An Cường                           | m2 | 5.816  |  |  |  |
| 41 | Bả vào tường                                                                                                                                                                                                                                                            | ICI Dulux - A502 29133                                                                   | m2 | 75.370 |  |  |  |
| 42 | Sơn trong nhà đã bả 1 nước lót + 2 nước phủ                                                                                                                                                                                                                             | Sơn lót cao cấp trong nhà Dulux A934, sơn phủ INSPIRE 39A -bề mặt mờ/trong gương         | m2 | 75.370 |  |  |  |
| 43 | Cung cấp và lắp đặt màn sáo cuộn, chất liệu fiber glass 100%, có khả năng chống cháy, chắn sáng 100%, mã AB 83-3                                                                                                                                                        | Màn sáo AB 83-3, xuất xứ Trung Quốc                                                      | m2 | 13.750 |  |  |  |
| 44 | Cung cấp và lắp đặt rèm 2 lớp: 1 lớp màn vải bố xếp ly, 1 lớp màn voan xếp ly                                                                                                                                                                                           | Vải : SMART I-26/ HD3-02, Voan: 015-057/ 25S/ Hàn Quốc                                   | m2 | 52.205 |  |  |  |

|    |                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                         |     |         |  |  |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------|--|--|--|
| 45 | Cung cấp và lắp đặt hệ thống mô to tự động màn xếp ly (Pháp, sản xuất tại TQ), có remote | Motto moveelite (Somfy Pháp)<br>Moveelite 35RST 433 EU<br>Điện áp định mức 100-240V- 50/60Hz<br>Điện năng tiêu thụ 35W<br>Công suất 0.6NM<br>Thương hiệu Somfy/ Pháp<br>Xuất xứ : Trung Quốc<br>Bao gồm : Remote Telish 4 kênh<br>Xuất xứ: Tuyenidi<br>(Bảo hành 3 năm) | bộ  | 12.000  |  |  |  |
| 46 | Cung cấp và lắp đặt trực cho màn xếp ly                                                  | Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                                | m   | 37.830  |  |  |  |
|    | IV. CÔNG TÁC TRẦN                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                         |     | -       |  |  |  |
| 47 | CCLD trần giặt cấp thạch cao (không bao gồm sơn, bả hoàn thiện)                          | - Tầm thạch cao:<br>Lagyp/Gyproc dày 9mm<br>- Khung xương: loại BASI<br>- Vĩnh tường                                                                                                                                                                                    | m2  | 192.490 |  |  |  |
| 48 | CCLD trần phẳng thạch cao (không bao gồm sơn, bả hoàn thiện)                             | - Tầm thạch cao:<br>Lagyp/Gyproc dày 9mm<br>- Khung xương: loại BASI<br>- Vĩnh tường                                                                                                                                                                                    | m2  | 34.800  |  |  |  |
| 49 | Bả vào trần                                                                              | ICI Dulux - A502 29133                                                                                                                                                                                                                                                  | m2  | 227.290 |  |  |  |
| 50 | Sơn trong nhà đã bả 1 nước lót + 2 nước phủ                                              | Sơn lót cao cấp trong nhà Dulux A934, sơn phủ INSPIRE 39A -bề mặt mờ/trương dương                                                                                                                                                                                       | m2  | 227.290 |  |  |  |
| 51 | CCLD cửa thẩm trần thạch cao KT 600x600x9mm                                              | Vĩnh Tường/ Việt Nam                                                                                                                                                                                                                                                    | Cái | 7.000   |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                   |                                                                |    |         |  |  |  |  |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----|---------|--|--|--|--|
| 52 | Cung cấp và lắp đặt V30 Vĩnh tường ốp cạnh trần                                                                                                                                                   | Vĩnh Tường/ Việt Nam                                           | m  | 150.624 |  |  |  |  |
| 53 | Thi công hộp màn cửa, hộp đèn tường, giá cố ván ép                                                                                                                                                | MDF Kháng ẩm An Cường                                          | m  | 23.915  |  |  |  |  |
| 54 | Thi công hộp đèn giắt cấp (không giá cố ván ép)                                                                                                                                                   |                                                                | m  | 99.318  |  |  |  |  |
| 55 | Sơn đèn trang trí đèn nhún khe đèn                                                                                                                                                                | Sơn Dulux                                                      | m  | 30.418  |  |  |  |  |
| 56 | Cung cấp và lắp đặt U inox bảo chấn dày 1mm mạ màu vàng quy cách U15x70x15mm                                                                                                                      | U inox bảo chấn dày 1mm mạ màu vàng quy cách U15x70x15mm       | m  | 68.900  |  |  |  |  |
|    | V. CỬA & PHỤ KIỆN CỬA                                                                                                                                                                             |                                                                |    | -       |  |  |  |  |
| 57 | Cung cấp và lắp đặt Cửa D1: Nẹp cửa MDF kháng ẩm sơn màu theo thiết kế mài cạnh 3mm, quy cách 15x30mm                                                                                             | MDF kháng ẩm An Cường/ Việt Nam                                | m  | 6.200   |  |  |  |  |
| 58 | Cung cấp và lắp đặt Cửa D1: Cánh cửa MDF kháng ẩm phủ veneer silver oak, cánh cửa soi âm 3mm, bông cách âm 32kg/m2, gioăng cao su chống ồn... chưa bao gồm phụ kiện tay nắm, khóa, bản lề Hafele. | MDF kháng ẩm An Cường/ Việt Nam, bông cách âm 32kg/m3 Việt Nam | m2 | 3.960   |  |  |  |  |
| 59 | Cung cấp và lắp đặt Cửa D2: Nẹp cửa MDF kháng ẩm sơn màu theo thiết kế mài cạnh 3mm, quy cách 15x30mm                                                                                             | MDF kháng ẩm An Cường/ Việt Nam                                | m  | 5.200   |  |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                   |                                                                               |                |        |  |  |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------|--|--|--|
| 60 | Cung cấp và lắp đặt Cửa D2:<br>Cánh cửa MDF kháng ẩm phủ veneer silver oak, cánh cửa soi âm 3mm, bông cách âm 32kg/m <sup>2</sup> , gioăng cao su chống ồn... chưa bao gồm phụ kiện tay nắm, khóa, bản lề Hafele. | MDF kháng ẩm An Cường/<br>Việt Nam, bông cách âm 32kg/m <sup>3</sup> Việt Nam | m <sup>2</sup> | 1.760  |  |  |  |
| 61 | Cung cấp và lắp đặt Cửa D3:<br>Khung bao gỗ sồi PU mờ 70% quy cách 40x120mm, nẹp cửa MDF kháng ẩm sơn PU mờ 70% màu cạnh 3mm, quy cách 12x60mm, nẹp cửa MDF kháng ẩm sơn PU mờ 70%, quy cách 30x30mm              | MDF kháng ẩm An Cường/<br>Việt Nam                                            | m              | 10.400 |  |  |  |
| 62 | Cung cấp và lắp đặt Cửa D3:<br>Cánh cửa MDF kháng ẩm phủ veneer silver oak, cánh cửa soi âm 3mm, bông cách âm 32kg/m <sup>2</sup> , gioăng cao su chống ồn... chưa bao gồm phụ kiện tay nắm, khóa, bản lề Hafele. | MDF kháng ẩm An Cường/<br>Việt Nam, bông cách âm 32kg/m <sup>3</sup> Việt Nam | m <sup>2</sup> | 3.520  |  |  |  |
| 63 | Bản lề Hafele 489.05.025                                                                                                                                                                                          | Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Đức<br>489.05.025                         | Cái            | 20.000 |  |  |  |
| 64 | Khóa tay gạt 903.99.724                                                                                                                                                                                           | Mã 903.99.724<br>Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Đức                      | Cái            | 3.000  |  |  |  |
| 65 | Thân khóa 489.10.562                                                                                                                                                                                              | Mã 489.10.562<br>Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Đức                      | Cái            | 3.000  |  |  |  |

|    |                          |                                                                                                                       |     |       |  |  |  |  |
|----|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|-------|--|--|--|--|
| 66 | Ruột khóa 489.56.001     | Mã 489.56.001<br>Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Đức                                                              | Cái | 3.000 |  |  |  |  |
| 67 | Door seal 950.05.912     | Mã 950.05.912<br>Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Đức                                                              | Cái | 5.000 |  |  |  |  |
| 68 | Chốt âm inox 489.71.461  | Mã 489.71.461<br>Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Trung Quốc                                                       | Cái | 2.000 |  |  |  |  |
| 69 | Chắn cửa 489.70.203      | Mã 489.70.203<br>Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Trung Quốc                                                       | Cái | 5.000 |  |  |  |  |
| 70 | Door Closer              | Mã 931.84.639<br>Thương hiệu Hafele/ Đức<br>Xuất xứ: Trung Quốc                                                       | Cái | 3.000 |  |  |  |  |
| 71 | Bàn lề Hafele 926.60.900 | Hafele 926.60.900                                                                                                     | Cái | 4.000 |  |  |  |  |
| 72 | Phụ kiện Tipon           | Phụ kiện Tipon : Ném nhẵn<br>mở Blum-Hafele 18mm<br>356.04.570 + Đé cho ném<br>nhẵn mở Blum-Hafele<br>18mm 356.04.513 | bộ  | 2.000 |  |  |  |  |

|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     |         |  |  |  |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|---------|--|--|--|
| 73 | <p>Tay nắm inox</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viễn tay nắm inox 304 vàng xước dày 8mm, mài cạnh viền R=5mm</li> <li>- Mặt la inox 304 đen xước 1mm</li> <li>- Hậu tay nắm la inox 304 vàng xước dày 8mm.</li> <li>- Trục tay nắm D20 dài 30mm inox 304 vàng xước dày 8mm.</li> <li>- Số lượng 05 chiếc ( Cửa 1800: 4 chiếc, cửa 900: 1 chiếc )</li> <li>KT: 1600x80mm</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Viễn tay nắm inox 304 vàng xước dày 8mm, mài cạnh viền R=5mm</li> <li>- Mặt la inox 304 đen xước 1mm</li> <li>- Hậu tay nắm la inox 304 vàng xước dày 8mm.</li> <li>- Trục tay nắm D20 dài 30mm inox 304 vàng xước dày 8mm.</li> </ul> | Cái | 5.000   |  |  |  |
| 74 | CCLD bàn lê sân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | VVP Thái Lan                                                                                                                                                                                                                                                                    | cái | 3.000   |  |  |  |
| 75 | CCLD kẹp giữ kính trên và dưới bằng inox                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VVP Thái Lan                                                                                                                                                                                                                                                                    | cái | 6.000   |  |  |  |
| 76 | CCLD kẹp góc L bằng inox                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | VVP Thái Lan                                                                                                                                                                                                                                                                    | cái | 6.000   |  |  |  |
| 77 | CCLD khóa cửa kính cường lực bằng Khóa sân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | VVP Thái Lan                                                                                                                                                                                                                                                                    | cái | 3.000   |  |  |  |
| 78 | CCLD tay nắm cửa D1200 bằng Inox                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | VVP Thái Lan                                                                                                                                                                                                                                                                    | cái | 3.000   |  |  |  |
|    | <b>VI. CÔNG TÁC KHÁC</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |     | -       |  |  |  |
| 79 | Vệ sinh công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                                                                                                                                                                                                                                                 | m2  | 186.800 |  |  |  |

|                     |                                                                                    |              |     |         |  |  |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----|---------|--|--|
| 80                  | Phí vận chuyển vật tư (Vận chuyển vật tư từ ngoài đường vào tầng hầm, lên tầng 16) |              | Gói | 1.000   |  |  |
| 81                  | Bạt bảo vệ sàn                                                                     | Bạt/Việt Nam | m2  | 186.800 |  |  |
| Cộng trước thuế:    |                                                                                    |              |     |         |  |  |
| Thuế VAT 8%         |                                                                                    |              |     |         |  |  |
| Tổng cộng sau thuế: |                                                                                    |              |     |         |  |  |

### Hạng mục: Phần điện

Đơn vị tính: đồng

| STT | Danh mục công tác                               | Thương hiệu/<br>Nước sản xuất <sup>(2)</sup> | Xuất xứ <sup>(2)</sup> | Thông số kỹ thuật <sup>(2)</sup>  | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá <sup>(3)</sup> | Thành tiền <sup>(4)</sup> | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------|----------------------------------------------|------------------------|-----------------------------------|--------|------------|------------------------|---------------------------|---------|
|     | DB-T4                                           |                                              |                        |                                   |        |            |                        |                           |         |
| 1   | Tủ điện Modul âm tường có nắp che chứa 24 Modul | Schneider/ Pháp                              | Thái Lan/Ấn độ         | MMP22212                          | hộp    | 1.000      |                        |                           |         |
| 2   | Lắp đặt automat MCB 3P 32A 6Ka                  | Schneider/ Pháp                              | Thái Lan/Ấn độ         | A9K24332                          | cái    | 1.000      |                        |                           |         |
| 3   | Lắp đặt automat RCCB 4P 25A 6Ka                 | Schneider/ Pháp                              | Thái Lan/Ấn độ         | A9D31625                          | cái    | 1.000      |                        |                           |         |
| 4   | Lắp đặt automat MCB 1P 20A 6Ka                  | Schneider/ Pháp                              | Thái Lan/Ấn độ         | A9K27120                          | cái    | 5.000      |                        |                           |         |
| 5   | Lắp đặt automat MCB 1P 16A 6Ka                  | Schneider/ Pháp                              | Thái Lan/Ấn độ         | A9K27116                          | cái    | 6.000      |                        |                           |         |
|     | Hệ thống Ổ cắm                                  |                                              |                        |                                   |        |            |                        |                           |         |
| 6   | Lắp đặt Ổ cắm đôi 3 châu 16A                    | Schneider/ Pháp                              | Thái Lan/Ấn độ         | 84426LUES2_WE_G19 + A8401L_WE_G19 | cái    | 28.000     |                        |                           |         |

|    |                                                              |                     |          |                                          |     |         |  |  |  |
|----|--------------------------------------------------------------|---------------------|----------|------------------------------------------|-----|---------|--|--|--|
| 7  | Lắp đặt dây đơn CU/PVC 0,6/1kv - 1x2,5mm <sup>2</sup>        | Cadivi/<br>Trần phú | Việt Nam | CU/PVC 0,6/1kv -<br>1x2,5mm <sup>2</sup> | m   | 543.240 |  |  |  |
| 8  | Lắp đặt ống nhựa cứng, đặt<br>chìm bảo hộ dây dẫn đk<br>25mm | Sino                | Việt Nam | SP9025-750N                              | m   | 113.800 |  |  |  |
| 9  | Lắp đặt ống nhựa cứng, đặt<br>nổi bảo hộ dây dẫn đk 25mm     | Sino                | Việt Nam | SP9025-750N                              | m   | 35.640  |  |  |  |
| 10 | Co, T, nối, Ngã 3, Ngã 4                                     |                     |          |                                          | Gói | 1.000   |  |  |  |
|    | Hệ thống Chiếu sáng                                          |                     |          |                                          |     |         |  |  |  |
| 11 | Lắp đặt đèn LED downlight<br>12W                             | Paragon             | Việt Nam | PRDIII55L12/30/42/65                     | bộ  | 44.000  |  |  |  |
| 12 | Lắp đặt Lắp đặt Đèn<br>spotlight (15*3)                      | Paragon/Việt<br>Nam | Việt Nam | PSLQQ6L                                  | bộ  | 3.000   |  |  |  |
| 13 | Lắp đặt ray đèn + Phụ kiện                                   | Paragon/Việt<br>Nam | Việt Nam | PRO01B + PRO02B                          | bộ  | 1.000   |  |  |  |
| 14 | Lắp đặt Đèn exit                                             | Paragon/Việt<br>Nam | Việt Nam | PEXL26U + P1005                          | bộ  | 4.000   |  |  |  |

|    |                                |                               |            |                                                                                                                                                                                                        |     |        |  |  |  |
|----|--------------------------------|-------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------|--|--|--|
| 15 | Đèn ray nam châm dài<br>1000mm | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | Mã sp: CXI25B12<br>Wattage :28W<br>LED:OSRAM<br>Input voltage:DC48V<br>CCT:<br>2700K/3000K/4000K<br>CRI: Ra≥90<br>Beam Angle:110°<br>Lumen: 1138lm-1338lm<br>Material: Aluminium<br>Color: Matte Black | cái | 18.000 |  |  |  |
| 16 | Đèn ray nam châm dài<br>600mm  | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | CXI25B06<br>Wattage :14W<br>LED:OSRAM<br>Input voltage:DC48V<br>CCT:<br>2700K/3000K/4000K<br>CRI: Ra≥90<br>Beam Angle:110°<br>Lumen: 628lm-668lm<br>Material: Aluminium<br>Color: Matte Black          | cái | 10.000 |  |  |  |
| 17 | Đèn ray nam châm dài<br>300mm  | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | CXI25S03A<br>Wattage :20W<br>Input voltage:DC48V<br>CCT:<br>2700K/3000K/4000K<br>CRI: Ra≥90<br>Beam Angle: 34°<br>Lumen:1010lm-1210lm<br>Material: Aluminium<br>Color: BK<br>Size : L307*W20*H90mm     | cái | 8.000  |  |  |  |

|    |                                                    |                               |            |                                                                                                                                                                                                                |     |        |  |  |  |
|----|----------------------------------------------------|-------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----|--------|--|--|--|
| 18 | Ray đèn                                            | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | CXL25-10<br>Recessed Trimless Profile<br>Material: Extruded<br>aluminum<br>Color: Black<br>Input Voltage: DC48V<br>Dimension: W 66.5*H<br>55.5<br>Length:1000m<br>Remarks: Profile with<br>input cal& end caps | m   | 70.200 |  |  |  |
| 19 | Bộ đổi nguồn                                       | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | CE4.2A-48V<br>Power: 200W<br>Input Voltage: 220-240V<br>Output Current:4.2A<br>Output Voltage: DC48V<br>PF>0.9<br>non-dimming                                                                                  | cái | 14.000 |  |  |  |
| 20 | Bộ rắc cấp dẫn điện từ bộ đổi<br>nguồn đèn hệ ray. | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | CXL25-JD                                                                                                                                                                                                       | cái | 17.000 |  |  |  |
| 21 | Rắc dẫn điện tại các vị trí nối<br>của thanh ray   | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | CXL25-RJ                                                                                                                                                                                                       | cái | 17.000 |  |  |  |
| 22 | Phụ kiện liên kết các góc của<br>hệ ray nam châm   | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc | CXL25-L90W                                                                                                                                                                                                     | cái | 8.000  |  |  |  |
| 23 | Phụ kiện khác cho hệ đèn ray<br>nam châm           | Kali Lighting/<br>tương đương | Trung Quốc |                                                                                                                                                                                                                | Gói | 1.000  |  |  |  |
| 24 | Led dây                                            | Paragon/Việt<br>Nam           | Việt Nam   | LED5050: Led dây 5050,<br>24V, 14.4w/m, IP67, 960-<br>1020lm/m, ánh sáng<br>3000/4200/6500K,<br>30000giờ, CRI>80, IP67                                                                                         | m   | 73.900 |  |  |  |
| 25 | Adapter                                            | Paragon/Việt<br>Nam           | Việt Nam   | PLDD150-24: Biến áp<br>24V-150w dùng cho 10m                                                                                                                                                                   | bộ  | 8.000  |  |  |  |



### Hạng mục: Phần lan thoại

Đơn vị tính: đồng

| STT | Danh mục công tác                                                             | Thương hiệu/<br>Nước sản<br>xuất <sup>(2)</sup> | Xuất xứ <sup>(2)</sup> | Thông số kỹ thuật <sup>(2)</sup> | Đơn<br>vị         | Khối lượng | Đơn giá <sup>(3)</sup> | Thành<br>tiền <sup>(4)</sup> | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|-------------------|------------|------------------------|------------------------------|---------|
|     | Hệ thống Mạng Cat6                                                            |                                                 |                        |                                  |                   |            |                        |                              |         |
| 1   | Lắp đặt ổ cắm mạng cat6                                                       | Schneider/Pháp                                  | Pháp                   | 8431SRJ6V_WE_G19                 | cái               | 26.000     |                        |                              |         |
| 2   | Mặt 1&2: Schneider/<br>A8401M_WE_G19                                          | Schneider/Pháp                                  | Thái Lan               |                                  | cái               | 26.000     |                        |                              |         |
| 3   | Lắp đặt dây nhảy Patchcord Cat<br>6 AMP - 2,1m                                | AMP                                             | Trung<br>quốc          | Cat 6e AMP                       | chiếc             | 52.000     |                        |                              |         |
| 4   | Lắp đặt cáp mạng AMP Cat6, 4<br>pair trong ống ghen âm tường                  | AMP                                             | Trung<br>quốc          | Cat6e, 4 pair                    | 10 m              | 64.000     |                        |                              |         |
| 5   | Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo<br>hộ dây dẫn, đường kính 25mm                  | Sino                                            | Việt nam               | SP 9025 - 750N                   | m                 | 236.000    |                        |                              |         |
| 6   | Lắp đặt ống nhựa cứng, đặt nổi<br>bảo hộ dây dẫn đk 25mm                      | Sino                                            | Việt Nam               | SP9025-750N                      | m                 | 240.000    |                        |                              |         |
| 7   | Nhân công đấu nối cáp mạng<br>Cat 5e, Cat6, 4 đôi vào Patch<br>panel 24 ports |                                                 |                        |                                  | đôi<br>dầu<br>dây | 26.000     |                        |                              |         |
| 8   | Dàn nhãn đánh dấu đầu dây                                                     |                                                 |                        |                                  | nhãn              | 52.000     |                        |                              |         |

|    |                                                                 |                                                                   |            |                                                                                                                                                                                                                                     |       |        |  |  |  |
|----|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|--------|--|--|--|
| 9  | Nhân công kiểm tra, đo test các node mạng                       |                                                                   |            |                                                                                                                                                                                                                                     | node  | 26.000 |  |  |  |
| 10 | Lắp đặt hai bốn đầu dây Connector RJ 45                         | AMP                                                               | Trung quốc | Connector RJ 45                                                                                                                                                                                                                     | chiếc | 52.000 |  |  |  |
| 11 | Lắp đặt Boot Colour AMP                                         | AMP                                                               | Trung quốc | Colour AMP                                                                                                                                                                                                                          | chiếc | 52.000 |  |  |  |
| 12 | Có, T, nối, Ngã 3, Ngã 4                                        |                                                                   |            |                                                                                                                                                                                                                                     | Gói   | 1.000  |  |  |  |
|    | Hệ thống HDMI & VGA                                             |                                                                   |            |                                                                                                                                                                                                                                     |       | -      |  |  |  |
| 13 | Hộp Điện Âm Bàn Xoay 180 Độ - Tích Hợp Cổng HDMI-LAN-USB TK-HX7 | Hộp điện Tenko<br>Ở cắm điện, mạng, thoại, USB<br>Schneider/ Pháp | Tenko      | Hộp Điện Âm Bàn Xoay 180 Độ Tenko TK-HX7<br>Bao gồm:<br>- Ở Cắm Điện 3 Chấu:<br>2 port<br>- USB Sạc 5V: 2 port<br>- Mạng RJ45: 2 port<br>- USB truyền dữ liệu : 1 port<br>- VGA : 1 port<br>- HDMI : 1 port<br>- Điện Thoại: 1 port | cái   | 6.000  |  |  |  |
| 14 | CCLD dây dẫn HDMI nối tivi với hệ thống mạng cho LCD            | Việt Nam                                                          | Việt Nam   | HDMI loại 5m Unitek Y-C140                                                                                                                                                                                                          | m     | 40.000 |  |  |  |
| 15 | Dây USB                                                         | Unitex                                                            | Việt Nam   | Loại 10m                                                                                                                                                                                                                            | m     | 40.000 |  |  |  |

|    |                                                                         |            |            |                |     |        |  |  |   |
|----|-------------------------------------------------------------------------|------------|------------|----------------|-----|--------|--|--|---|
| 16 | Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính 32mm               | Sino       | Việt nam   | SP 9032 - 750N | m   | 40.000 |  |  |   |
| 17 | Ông luồn dây dẫn từ mặt bàn xuống sàn (Xương không long)                | Trung Quốc | Trung Quốc |                | cái | 4.000  |  |  |   |
|    | <b>Hệ thống Camera</b>                                                  |            |            |                |     | -      |  |  |   |
| 18 | Tháo dỡ camera, bảo quản Di chuyển camera sang vị trí mới theo thiết kế |            |            |                | cái | 2.000  |  |  |   |
|    | <b>Cộng trước thuế:</b>                                                 |            |            |                |     |        |  |  | 0 |
|    | <b>Thuế VAT 8%</b>                                                      |            |            |                |     |        |  |  | 0 |
|    | <b>Tổng cộng sau thuế:</b>                                              |            |            |                |     |        |  |  | 0 |

### Hạng mục: Phần PCCC

Đơn vị tính: đồng

| Slt      | Tên công tác                | Thương hiệu/<br>Nước sản xuất <sup>(2)</sup> | Xuất xứ <sup>(2)</sup> | Thông số kỹ thuật <sup>(2)</sup> | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá <sup>(3)</sup> | Thành tiền <sup>(4)</sup> | Ghi chú |
|----------|-----------------------------|----------------------------------------------|------------------------|----------------------------------|--------|------------|------------------------|---------------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>HỆ THỐNG CHỮA CHÁY</b>   |                                              |                        |                                  |        |            |                        |                           |         |
|          | Di dời đầu cứu hỏa hiện hữu |                                              |                        |                                  |        |            |                        |                           |         |
| 1        | Tháo dỡ đầu cứu hỏa         |                                              |                        |                                  | cái    | 21.000     |                        |                           |         |

|   |                                                                                                                                                              |                       |          |       |     |        |        |  |  |  |  |  |
|---|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|-------|-----|--------|--------|--|--|--|--|--|
| 2 | Lắp đặt đầu cứu hỏa tần<br>dùng loại hướng xuống 68<br>độ                                                                                                    |                       |          |       |     | Bộ     | 21.000 |  |  |  |  |  |
| 3 | CCLĐ Ống thép đen DN25<br>dày 3mm: Hòa Phát                                                                                                                  | Hòa Phát/ Việt<br>Nam | Việt Nam |       |     | m      | 63.000 |  |  |  |  |  |
| 4 | Lắp đặt cột thép nổi bằng<br>phương pháp hàn, đường<br>kính cột d=25mm                                                                                       | Hòa Phát<br>/Việt Nam | Việt Nam | D25mm | cái | 9.000  |        |  |  |  |  |  |
| 5 | Lắp đặt T thép nổi bằng<br>phương pháp hàn, đường<br>kính cột d=25mm                                                                                         | Hòa Phát<br>/Việt Nam | Việt Nam | D25mm | cái | 7.000  |        |  |  |  |  |  |
| 6 | Lắp đặt Co thép nổi bằng<br>phương pháp hàn, đường<br>kính cột d=25mm                                                                                        | Hòa Phát<br>/Việt Nam | Việt Nam | D25mm | cái | 12.000 |        |  |  |  |  |  |
| 7 | CCLĐ Ty treo giá đỡ và vật<br>tư phụ (Ty 6, Bat V3, Dai,<br>Cùm,...)                                                                                         | Việt Nam              | Việt Nam |       | Gói | 1.000  |        |  |  |  |  |  |
|   | 1./ Bảng quản, bằng tam<br>2./ Bu lông<br>3./ Tăm.<br>4./ Long đèn.<br>5./ Tắc kê đụn.<br>6./ Ty treo.<br>7./ Bat V3<br>8./ Dai treo ống<br>9./ Cùm treo ống |                       |          |       |     |        |        |  |  |  |  |  |

|                             |                                                                                                                                                 |                  |                  |                                       |    |         |  |  |  |
|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|------------------|---------------------------------------|----|---------|--|--|--|
| 8                           | Cài đặt lại hệ thống chữa cháy tòa nhà (thuê tòa nhà xả nước để đầu nối, và bơm lại nước sau lắp đặt hệ thống chữa cháy bổ sung, chạy test thử) |                  |                  |                                       | HT | 1.000   |  |  |  |
| <b>II HỆ THỐNG BẢO CHÁY</b> |                                                                                                                                                 |                  |                  |                                       |    |         |  |  |  |
|                             | Lắp thêm thiết bị                                                                                                                               |                  |                  |                                       |    |         |  |  |  |
| 9                           | Tháo dỡ đầu bảo khói, kèm đế                                                                                                                    |                  |                  |                                       | Bộ | 6.000   |  |  |  |
| 10                          | Lắp đặt lại đầu bảo khói, kèm đế                                                                                                                |                  |                  |                                       | Bộ | 6.000   |  |  |  |
| 11                          | CCLĐ đầu bảo khói, kèm đế SOC-24VN, NS4 - 100)                                                                                                  | Hochiki          | Mỹ/<br>Singapore | SOC-24VN,<br>NS4 - 100                | Bộ | 1.000   |  |  |  |
| 12                          | Tháo dỡ và lắp đặt lại loa báo cháy tản dụng theo vị trí mới                                                                                    | BOSCH/ China     | China            |                                       | Bộ | 5.000   |  |  |  |
| 13                          | Cung cấp, lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm2 loại chống nhiễu                                                                                      | Cadivi/Trần phú  | Việt Nam         | Cu/PVC/PVC 2x1,5mm2, loại chống nhiễu | m  | 82.000  |  |  |  |
| 14                          | Dây loa                                                                                                                                         | Cadivi/ Việt Nam | Việt Nam         |                                       | m  | 100.000 |  |  |  |

|                     |                                                        |      |          |                                                                                               |       |         |  |  |  |
|---------------------|--------------------------------------------------------|------|----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|--|--|--|
| 15                  | Lắp đặt ống nhựa cứng, đặt chìm bảo hộ dây dẫn đi 20mm | Sino | Việt Nam | SP9020-750N                                                                                   | m     | 182.000 |  |  |  |
| 16                  | Lắp đặt khớp nối tron D20                              | Sino | Việt nam | D20 - E242/20                                                                                 | chiếc | 78.000  |  |  |  |
| 17                  | Lắp đặt hộp chia ngã loại 1,2,3,4                      | Sino | Việt Nam | đường kính từ D16 đến D25, loại thấp - E240/16/1 đến E240/25/4 (bao gồm nắp dây hộp chia ngã) | hộp   | 24.000  |  |  |  |
| 18                  | Lắp đặt kẹp đỡ ống D20                                 | Sino | Việt nam | D20 - E280/20                                                                                 | chiếc | 130.000 |  |  |  |
| 19                  | Lắp đặt cút chữ T không nắp T20                        | Sino | Việt nam | T20 - E246/20S                                                                                | chiếc | 17.000  |  |  |  |
| 20                  | Lắp đặt cút chữ L20 không nắp                          | Sino | Việt nam | E244/20S                                                                                      | chiếc | 41.000  |  |  |  |
| Cộng trước thuế:    |                                                        |      |          |                                                                                               |       |         |  |  |  |
| Thuế VAT 8%         |                                                        |      |          |                                                                                               |       |         |  |  |  |
| Tổng cộng sau thuế: |                                                        |      |          |                                                                                               |       |         |  |  |  |

**Hạng mục: Phần ĐHKK**

Đơn vị tính: đồng

| Stt | Tên công tác            | Thương hiệu/<br>Nước sản xuất <sup>(2)</sup> | Xuất xứ <sup>(2)</sup> | Thông số kỹ<br>thuật <sup>(2)</sup> | Đơn<br>vị | Khối<br>lượng | Đơn giá <sup>(3)</sup> | Thành tiền <sup>(4)</sup> | Ghi chú |
|-----|-------------------------|----------------------------------------------|------------------------|-------------------------------------|-----------|---------------|------------------------|---------------------------|---------|
| A   | PHẦN THẢO DỒ HIỆN TRẠNG |                                              |                        |                                     |           |               |                        |                           |         |

|   |                                                                  |                 |          |                                       |     |        |  |  |  |
|---|------------------------------------------------------------------|-----------------|----------|---------------------------------------|-----|--------|--|--|--|
| 1 | Nhân công tháo dỡ miệng gió cấp và miệng gió hồi hiện trạng      |                 | Việt Nam |                                       | cái | 18.000 |  |  |  |
| 2 | Nhân công tháo dỡ ống gió hiện hữu                               |                 |          |                                       | mđ  | 59.000 |  |  |  |
| 3 | Chi phí vận chuyển ống gió ra khỏi công trường                   |                 |          |                                       | Gói | 1.000  |  |  |  |
| B | <b>HỆ THỐNG ĐIỀU HÒA KHÔNG KHÍ</b>                               |                 |          |                                       |     |        |  |  |  |
|   | <b>Cải tạo hệ thống ACMV hiện hữu</b>                            |                 |          |                                       |     |        |  |  |  |
| 4 | Lắp đặt bộ điều chỉnh nhiệt độ                                   | Daikin          | Thái Lan | BRC1E63                               | Bộ  | 3.000  |  |  |  |
| 5 | Cung cấp, lắp đặt dây dẫn 2 ruột 2x1,5mm2 loại chống nhiễu       | Cadivi/Trần phú | Việt Nam | Cu/PVC/PVC 2x1,5mm2, loại chống nhiễu | m   | 90.000 |  |  |  |
| 6 | Lắp đặt ống nhựa cứng, đặt chìm bảo hộ dây dẫn đk 20mm           | Sino            | Việt Nam | SP9020-750N                           | m   | 35.000 |  |  |  |
| 7 | Lắp đặt ống nhựa cứng, đặt nổi bảo hộ dây dẫn đk 20mm            | Sino            | Việt Nam | SP9020-750N                           | m   | 55.000 |  |  |  |
| 8 | Nhân công tháo dỡ và bảo dưỡng cửa gió+ hộp gió chu vi <= 2400mm |                 |          |                                       | Cái | 2.000  |  |  |  |
| 9 | Nhân công tháo dỡ và lắp đặt cửa gió, kích thước cửa 600x600 mm  |                 |          |                                       | cái | 2.000  |  |  |  |

|    |                                                                |                                   |          |                            |     |        |  |  |  |
|----|----------------------------------------------------------------|-----------------------------------|----------|----------------------------|-----|--------|--|--|--|
| 10 | CCLD hộp gió<br>1200x100mm                                     | Vật liệu: Tôn mạ<br>kẽm/Inox      | Việt Nam |                            | Bộ  | 16.000 |  |  |  |
| 11 | CCLD miếng gió hồi kích<br>thước 1200x130mm                    | Vật liệu: Tôn mạ<br>kẽm/Inox      | Việt Nam |                            | Bộ  | 4.000  |  |  |  |
| 12 | CCLD miếng gió cấp kích<br>thước 1200x130mm                    | Vật liệu: Tôn mạ<br>kẽm/Inox      | Việt Nam |                            | Bộ  | 12.000 |  |  |  |
| 13 | CCLD hộp gió 600x600mm                                         | Vật liệu: Tôn mạ<br>kẽm/Inox      | Việt Nam |                            | Bộ  | 2.000  |  |  |  |
| 14 | CCLD miếng gió hồi kích<br>thước 600x600mm                     | Vật liệu: Tôn mạ<br>kẽm/Inox      | Việt Nam |                            | Bộ  | 1.000  |  |  |  |
| 15 | CCLD miếng gió cấp kích<br>thước 600x600mm                     | Vật liệu: Tôn mạ<br>kẽm/Inox      | Việt Nam |                            | Bộ  | 1.000  |  |  |  |
| 16 | CCLD lưới bảo vệ cửa gió<br>hồi kích thước cửa<br>KT1000x150mm |                                   | Việt Nam | KT1000x150mm               | cái | 4.000  |  |  |  |
| 17 | Cung cấp, lắp đặt van điều<br>chỉnh lưu lượng gió              | Vật liệu: Tôn mạ<br>kẽm/Inox      | Việt Nam | D300 hoặc KT<br>300x300 mm | cái | 12.000 |  |  |  |
| 18 | CCLD Gót giấy 300x130/<br>D245 mm: Huy Phát/<br>Reetech        | Huy Phát/<br>Reetech/ Việt<br>Nam | Việt Nam |                            | Bộ  | 18.000 |  |  |  |

|    |                                                         |                        |          |                                                  |                |        |  |  |  |
|----|---------------------------------------------------------|------------------------|----------|--------------------------------------------------|----------------|--------|--|--|--|
| 19 | Cung cấp, lắp đặt ống gió nổi mềm có bảo ôn             | Superlon               | Malaysia | D 300mm                                          | m              | 59.500 |  |  |  |
| 20 | CCLĐ Ống gió tole tráng kẽm 0,58mm - Tôn Hoa sen        | Tôn Hoa sen/ Việt Nam  | Việt Nam |                                                  | m <sup>2</sup> | 11.000 |  |  |  |
| 21 | CCLĐ Cách nhiệt cho hộp gió, ống gió (SKY- FOAM - 25mm) | SKY- FOAM              |          |                                                  | m <sup>2</sup> | 39.000 |  |  |  |
| 22 | Giá treo hộp gió+ cửa gió                               | Hòa phát/trương đương  | Việt Nam | KT: V30x30x5, thép mạ kẽm nhúng nóng             | cái            | 18.000 |  |  |  |
| 23 | Giá treo ống gió                                        | Hòa phát/trương đương  | Việt Nam | KT: V30x30x5, thép mạ kẽm nhúng nóng             | cái            | 54.000 |  |  |  |
| 24 | Giá công lắp đặt còn                                    | Tôn Phương Nam/Hoa Sen | Việt Nam | Tôn mạ kẽm, Còn dư ví C ( 0,8<C<=1,2)/ D150-D300 | cái            | 8.000  |  |  |  |
| 25 | Còn vuông tròn ke bích D 300                            | Tôn Phương Nam/Hoa Sen | Việt Nam | Tôn mạ kẽm, Còn vuông tròn ke bích D 300         | Cái            | 8.000  |  |  |  |
| 26 | Cổ tròn D 200/L 200                                     | Tôn Phương Nam/Hoa Sen | Việt Nam | Tôn mạ kẽm, Cổ tròn D 200/L 200                  | Cái            | 8.000  |  |  |  |
| 27 | Đai ôn nổi ống mềm                                      |                        | Việt Nam |                                                  | cái            | 25.000 |  |  |  |
| 28 | Phụ kiện                                                |                        |          |                                                  | gói            | 1.000  |  |  |  |



|    |                                                                                                                  |                       |          |                                          |     |        |  |  |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|------------------------------------------|-----|--------|--|--|
| 39 | Cung cấp, lắp đặt dây dẫn cáp điện CU/PVC/ PVC 4x4mm <sup>2</sup>                                                | Cadivi/Trần phú       | Việt Nam | CU/XLPE/PVC 0,6/1kv - 4x4mm <sup>2</sup> | m   | 35.000 |  |  |
| 40 | Lắp đặt ống nhựa đặt chìm bảo hộ dây dẫn, đường kính 25mm                                                        | Sino                  | Việt nam | SP 9025 - 750N                           | m   | 35.000 |  |  |
| 41 | Nhân công đục trần đường ống gas, ống nước, ghim đường ống trong vách thạch cao ( bao gồm cả chèn, trát, sơn bả) |                       |          |                                          | m   | 27.000 |  |  |
| 42 | Gas nạp bổ sung R410 A                                                                                           | Mỹ                    | Mỹ       | R410A                                    | Kg  | 5.000  |  |  |
| 43 | Hút lại chân không cho hệ điều hòa trung tâm CS: 10 HP-32 HP                                                     |                       |          |                                          | Tổ  | 1.000  |  |  |
| 44 | Giá treo ống đồng, ống nước                                                                                      | Hòa phát/trương đương | Việt Nam | KT: V30x30x5, thép mạ kẽm nhúng nóng     | cái | 25.000 |  |  |
| 45 | Vật tư phụ ( Vít, nơ, dây thiếc) lắp đặt điều hòa treo tường, điều hòa cassette âm trần)                         |                       |          |                                          | Bộ  | 1.000  |  |  |

|                     |  |  |  |  |  |  |  |  |
|---------------------|--|--|--|--|--|--|--|--|
| Cộng trước thuế:    |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Thuế VAT 8%         |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng sau thuế: |  |  |  |  |  |  |  |  |

Hạng mục: Phần Logo, quảng cáo

| STT | Nội dung công việc | Hạng sản | Xuất | Thông số kỹ thuật, | Đơn | Khối | Đơn giá <sup>(3)</sup> | Thành | Ghi chú |
|-----|--------------------|----------|------|--------------------|-----|------|------------------------|-------|---------|
|-----|--------------------|----------|------|--------------------|-----|------|------------------------|-------|---------|

|                  |                                                                                                                                                                                       | Xuất/<br>Thương<br>hiệu <sup>(2)</sup>                | Xứ <sup>(2)</sup> | mã sản phẩm <sup>(2)</sup>                                                                           | Vị | lượng  |  | tiền <sup>(4)</sup> |                                                                                                          |
|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|--------|--|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1                | Giấy in PP hoặc đề can Film dán lên vách kính Backdrop sảnh giao dịch theo thiết kế (bao gồm cả thiết kế, in và dán hoàn thiện) - sử dụng với loại vách kính Backdrop không sát tường | HCN                                                   | Đài Loan          |                                                                                                      | m2 | 18.864 |  |                     |                                                                                                          |
| 2                | Logo Ngồi sao và chữ "MB"                                                                                                                                                             | Các vật tư:<br>- Mica dày 3mm/ Đài Loan<br>- Inox 304 | Việt Nam          | Mica trắng spha dày 3mm, inox 304 dày 1mm, led modul ánh sáng trắng.<br>KT: 1100x56x50 mm            | Bộ | 2.000  |  |                     | Đơn giá nội suy theo đơn giá Logo kích thước 1475x123x50 mm , đã phê duyệt tại CT LCC Hà Nội 21 Cát Linh |
| 3                | Mica cắt CNC in UV theo file AI thiết kế chi định                                                                                                                                     | Các vật tư:<br>- Mica dày 3mm/ Đài Loan               | Việt nam          | Mica Đài Loan dày 3mm mã số FS 835 cắt CNC theo file thiết kế KT: 1240x699x3mm                       | Bộ | 1.000  |  |                     |                                                                                                          |
| 4                | Bảng tên phòng - KT: 290x150x10 mm                                                                                                                                                    | Các vật tư:<br>- Mica dày 3mm/ Đài Loan<br>- Inox 304 | Việt Nam          | Khung inox 304 tạo gỗ, bảng mica spha dày 3mm, dán chữ decal đen (Bảng mica để rời, có thể thay thế) | Bộ | 8.000  |  |                     |                                                                                                          |
| 5                | Bảng tên phòng - KT: 302x110x10 mm                                                                                                                                                    | Các vật tư:<br>- Mica dày 3mm/ Đài Loan<br>- Inox 304 | Việt nam          | Inox 304, gỗ dấp viên 7mm<br>Hồng bàng mica đen dày 3mm<br>Chữ tên phòng sơn đen                     | Bộ | 2.000  |  |                     |                                                                                                          |
| Tổng trước thuế: |                                                                                                                                                                                       |                                                       |                   |                                                                                                      |    |        |  |                     |                                                                                                          |

|  |                     |  |  |
|--|---------------------|--|--|
|  | Thuế VAT 8%         |  |  |
|  | Tổng cộng sau thuế: |  |  |

**Hạng mục: Phần nội thất**

| STT       | Danh mục công tác đo bóc                                                                                                                                                                                                                                                                     | Quy cách/Kích thước <sup>(2)</sup> | Mã vật liệu <sup>(2)</sup> | Nguồn gốc xuất xứ <sup>(2)</sup> | Đơn vị | Khối lượng | Đơn giá <sup>(3)</sup> | Thành tiền <sup>(4)</sup> | Ghi chú |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|----------------------------|----------------------------------|--------|------------|------------------------|---------------------------|---------|
| <b>I</b>  | <b>PHẦN THẢO DỒ NỘI THẤT HIỆN TRẠNG</b>                                                                                                                                                                                                                                                      |                                    |                            |                                  |        |            |                        |                           |         |
| 1         | -Chỉ phá tháo dỡ đồ nội thất tại tầng 16, di chuyển đến vị trí tập kết tại tầng 16 để bảo quản<br>-Chỉ phủ vữa chuyên và lắp đặt lại nội thất tận dụng<br>Chi tiết số lượng đồ rời cụ thể như sau:<br>Nội thất tận dụng:<br>- Tủ cao: 900x400x2400: 4 cái<br>- Kệ sắt : 1000x400x2400: 3 cái |                                    |                            |                                  | Gói    | 1.000      |                        |                           |         |
| <b>II</b> | <b>PHÒNG HỘ 1 &amp; 2</b>                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                    |                            |                                  |        | -          |                        |                           |         |

|   |                                                                                                                                                    |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |          |     |       |  |                                                                                                                                                                               |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|-------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 2 | Bàn hợp: Mặt kính cường lực dày 8mm son xám vật lá hệ, mặt hộp điện dẫn inox vàng đồng đặt la inox bằng mặt kính, chân MDF son, ron inox vàng đồng | KT: 6000x1600x754 mm | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bàn gỗ 2 lớp MDF son theo thiết kế</li> <li>- Mặt bàn: kính cường lực dày 12mm son xám vật lá hệ,</li> <li>- Hộp điện trên mặt bàn: dẫn inox vàng đồng đặt la inox bằng mặt kính, MDF son, ron inox vàng đồng</li> <li>- Trên mặt bàn trang trí bàn inox vàng nhật KT: 400x5000 dày 1mm vàng nhật</li> <li>- Ron viền mặt bàn inox vàng nhật KT 15x1mm</li> <li>- Ron chân bàn inox vàng nhật dày 1mm</li> <li>- Lên chân bàn inox vàng nhật 1mm</li> </ul> | Việt Nam | cải | 1.000 |  | Vận dụng đơn giá đã phê duyệt tại CT CTSC khu vực phòng tập trung tầng 5 tòa nhà MIB số 18 Lê Văn Lương có điều chỉnh hệ số 1,1 do bổ sung phần inox: 86.896.500đ/1 cái x 1,1 |
|---|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|-------|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|   |                                                                                                                                                                   |                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                     |     |       |  |  |   |
|---|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|-------|--|--|---|
| 3 | Bàn hợp :Mặt kính cường lực<br>dày 8mm sơn xám vật lá hệ,<br>mặt hộp điện dẫn inox vàng<br>đồng đặt la inox bằng mặt<br>kính, chân MDF sơn, ron<br>inox vàng đồng | KT: 4000x1600x754 mm | - Bàn gỗ 2 lớp MDF<br>sơn theo thiết kế<br>- Mặt kính cường lực<br>dày 12mm sơn xám<br>vật lá hệ, mặt hộp<br>điện dẫn inox vàng<br>đồng đặt la inox bằng<br>mặt kính, MDF sơn,<br>ron inox vàng đồng<br>Trên mặt bàn inox<br>1mm vàng nhai<br>Ron viền mặt bàn<br>inox vàng nhai<br>1mmx15<br>Ron chân bàn inox<br>vàng nhai 1mm<br>Len chân bàn inox<br>vàng nhai 1mm | Việt Nam            | cái | 1.000 |  |  |   |
| 4 | Tủ ly: MDF sơn kết hợp<br>MDF phủ veneer siver oak,<br>kính cường lực 5mm, kiện<br>giảm chấn Hafele                                                               | KT: 1400x400x972 mm  | MDF sơn kết hợp<br>MDF phủ veneer<br>siver oak, kính cường<br>lực 5mm.<br>Phụ kiện:<br>+ Bàn lề : Hafele<br>334.05.002<br>+ Ray trượt giảm<br>trấn: Hafele<br>433.32.076                                                                                                                                                                                               |                     | cái | 2.000 |  |  |   |
| 5 | Ghế chủ tọa: KIM VUÔNG<br>III-MV                                                                                                                                  | KT: 690x765x1090 mm  | Màu sắc :<br>- Mặt trước: GX002<br>- Mặt sau: GX009<br>Chất liệu : PVC,<br>chrome base<br>Bảo hành: 2 năm                                                                                                                                                                                                                                                              | D'furni/Việt<br>Nam | cái | 2.000 |  |  | - |

|     |                                  |                      |                                                                                                                                                                                              |                  |     |        |  |  |  |
|-----|----------------------------------|----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-----|--------|--|--|--|
| 6   | Ghế hợp HELIOS 1-1M <sup>V</sup> | KT: W580xD660XH965   | Màu sắc :<br>- Mặt trước: GX002<br>- Mặt sau: GX009<br>Chất liệu : PVC, chân thép mạ chrome<br>-Bảo hành : 2 năm                                                                             | D'furni/Việt Nam | cái | 84.000 |  |  |  |
| III | PHÒNG HÀNH CHÍNH                 |                      |                                                                                                                                                                                              |                  |     | -      |  |  |  |
| 7   | Bàn nhân viên                    | KT: 1700x1500x750 mm | Mặt bàn MFC MS 504MM, bưng bàn thép tấm dày 3mm cắt CNC sơn tĩnh điện màu ghi xám, vách ngăn hàn kính cường lực dày 8mm, chân bàn Khung chân sắt tam giác 55x55, thanh giằng sắt 25x50x1,2mm | Việt Nam         | cái | 2.000  |  |  |  |
| 8   | Tủ nhân viên bên trái            | KT: 900x400x650 mm   | MFC 504MM, cánh tủ MFC 215ZN. Phụ kiện:<br>+ Bàn lề : Hafele 334.05.002<br>+ Ray trượt giảm chấn: Hafele 433.32.076                                                                          | Việt Nam         | cái | 2.000  |  |  |  |
| 9   | Tủ nhân viên bên phải            | KT: 900x400x650 mm   | MFC 504MM, cánh tủ MFC 215ZN, Phụ kiện:<br>+ Bàn lề : Hafele 334.05.002<br>+ Ray trượt giảm chấn: Hafele 433.32.076                                                                          | Việt Nam         | cái | 2.000  |  |  |  |

|    |                                               |                      |                                                                                                                                                                  |          |     |       |  |  |  |
|----|-----------------------------------------------|----------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|-----|-------|--|--|--|
| 10 | Bàn nước                                      | K.T: D800xH450 mm    | Mặt bàn MFC<br>504MM, Khung chân<br>inox 20x40x1,2mm<br>mở xước trắng                                                                                            | Việt Nam | cái | 1.000 |  |  |  |
| 11 | Pantry drier                                  | K.T: 1600x600x960 mm | MFC kháng ẩm<br>620WN, len inox<br>nhôm xước, phụ kiện<br>giảm chấn Hafele:<br>+ Bàn lê : Hafele<br>334.05.002<br>+ Ray trượt giảm<br>trấn: Hafele<br>433.32.076 | Việt Nam | md  | 1.600 |  |  |  |
| 12 | Mặt bếp đá trắng Volakas<br>vân mây nhỏ 600mm | K.T: 1600x600x18mm   | Đá Volakas                                                                                                                                                       | Hy Lạp   | md  | 1.600 |  |  |  |

|                     |               |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |     |       |  |   |  |
|---------------------|---------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----|-------|--|---|--|
| 13                  | Ghế nhân viên |                              | Mã hiệu: Union<br>29W-ME<br>Màu sắc: khung<br>trắng, lưới<br>+ nệm đen<br>Chất liệu:<br>- Khung lưng + tay<br>nhựa PP mới (ko tái<br>chế), bọc lưới<br>- Ôp nệm nhựa PP<br>mới (ko tái chế)<br>- Ly hợp nâng hạ<br>thép sơn tĩnh điện<br>dày 2.5mm<br>- Gaslift Korean class<br>3<br>- Nệm ngồi Foam<br>D3550, tiêu chuẩn<br>TB117-2013 chống<br>cháy lan + plywood<br>12mm+ vải<br>- Chân nhựa nylon<br>R320<br>- Bánh xe nylon D50<br>Bảo hành: 2 năm | D'furni/Việt<br>Nam | cái | 2.000 |  |   |  |
| 14                  | Ghế khách chờ | KT:<br>L720*W774*H808/SH.430 | Chất liệu: Ghế thân<br>plywood vải, chân<br>thép sơn tĩnh điện<br>Bảo hành 1 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | D'furni/Việt<br>Nam | cái | 2.000 |  |   |  |
| Cộng trước thuế:    |               |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |     |       |  | - |  |
| Thuế VAT %%         |               |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |     |       |  |   |  |
| Tổng cộng sau thuế: |               |                              |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                     |     |       |  |   |  |

Ghi chú:

- Cột (2) Nguồn gốc, xuất xứ, chủng loại, thương hiệu, nước sản xuất, mã hiệu của sản phẩm nêu tại các cột này là để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa. Nhà cung cấp có thể đề xuất sản phẩm khác tương đương về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn công nghệ.
- Cột (3), (4) do nhà cung cấp chào.

BẢN KÊ KHAI NHÂN SỰ CHỦ CHỐT<sup>(1)</sup>

|     |                                                                                   |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói mua sắm]</i> |
|     | Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>                                            |
| 2.  | Vị trí công việc: <i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói mua sắm]</i> |
|     | Tên: <i>[ghi tên nhân sự chủ chốt]</i>                                            |
| ... | Vị trí công việc                                                                  |
|     | Tên                                                                               |

Ghi chú:

(1) Sử dụng Bảng này nếu Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX có quy định về nội dung nhân sự chủ chốt.

(2) Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản lý lịch, kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt theo Mẫu số 16 và Mẫu số 17 Chương này để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu so với HSYC.

**BẢN KÊ KHAI PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ CUNG CẤP PHỤ<sup>(1)</sup>**

| STT | Tên nhà cung cấp phụ <sup>(2)</sup> | Phạm vi công việc <sup>(3)</sup> | Khối lượng công việc <sup>(4)</sup> | Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup> | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà cung cấp phụ (nếu có) <sup>(6)</sup> |
|-----|-------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1   |                                     |                                  |                                     |                                   |                                                                               |
| 2   |                                     |                                  |                                     |                                   |                                                                               |
| ... |                                     |                                  |                                     |                                   |                                                                               |

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà cung cấp phụ thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên nhà cung cấp phụ.
- (3) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà cung cấp phụ.
- (4) Nhà cung cấp ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà cung cấp phụ.
- (5) Nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà cung cấp phụ đảm nhận so với giá chào.
- (6) Nhà cung cấp ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà cung cấp phụ (nếu có), nhà cung cấp phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

**BẢN KÊ KHAI NHÀ CUNG CẤP PHỤ ĐẶC BIỆT<sup>(1)</sup>**

Nhà cung cấp phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2.3  
Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

| STT | Tên nhà cung cấp phụ đặc biệt <sup>(2)</sup> | Phạm vi công việc <sup>(3)</sup> | Khối lượng công việc <sup>(4)</sup> | Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup> | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà cung cấp phụ đặc biệt <sup>(6)</sup> |
|-----|----------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| 1   |                                              |                                  |                                     |                                   |                                                                               |
| 2   |                                              |                                  |                                     |                                   |                                                                               |
| ... |                                              |                                  |                                     |                                   |                                                                               |

**Ghi chú:**

(1) Trường hợp Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp không cho phép sử dụng nhà cung cấp phụ đặc biệt thì xóa Mẫu này.

(2) Nhà cung cấp ghi cụ thể tên nhà cung cấp phụ đặc biệt.

(3) Bên mời chào hàng ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà cung cấp phụ đặc biệt.

(4) Nhà cung cấp ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà cung cấp phụ đặc biệt.

(5) Ghi giá trị % công việc ước tính mà nhà cung cấp phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói mua sắm.

(6) Nhà cung cấp ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận sử dụng nhà cung cấp phụ đặc biệt và phải nộp kèm theo bản gốc hoặc bản chụp được chứng thực các tài liệu đó.

## BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẴM

Ngày: \_\_\_\_\_ [Điền ngày tháng năm ký cam kết]

Tên gói mua sắm: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm theo kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp được duyệt]

Tên công trình: \_\_\_\_\_ [Ghi tên công trình]

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào hàng]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu, văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số \_\_\_\_\_ [Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có] và thiết kế bản vẽ thi công đính kèm hồ sơ yêu cầu do \_\_\_\_\_ [Ghi tên bên mời chào hàng] phát hành, chúng tôi, \_\_\_\_\_ [Ghi tên nhà cung cấp], có địa chỉ tại \_\_\_\_\_ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] cam kết đã nghiên cứu kỹ các thông tin và sẽ thực hiện gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công được duyệt cũng như tuân thủ các quy định liên quan về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo đảm thực hiện các yêu cầu khác theo đúng quy định của hồ sơ yêu cầu. Chúng tôi cam kết huy động nhân sự, thiết bị thi công phù hợp với quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan. Chúng tôi cam kết bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**  
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>**

Tên nhà cung cấp: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

| Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX                                                                                                                                                                                               |                                     |                                                                                          |                                                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <input type="checkbox"/> Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm ____ [ <i>ghi năm</i> ] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX. |                                     |                                                                                          |                                                                                                         |
| <input type="checkbox"/> Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm ____ [ <i>ghi năm</i> ] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX.        |                                     |                                                                                          |                                                                                                         |
| Năm                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Phần việc hợp đồng không hoàn thành | Mô tả hợp đồng                                                                           | Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                     | Mô tả hợp đồng:<br>Tên Chủ đầu tư:<br>Địa chỉ:<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: |                                                                                                         |

**Ghi chú:**

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời chào hàng phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSĐX sẽ bị loại.

Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TRƯỚC ĐÂY CỦA NHÀ CUNG CẤP<sup>(1)</sup>**

Tên nhà cung cấp: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà cung cấp liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

| <b>Số liệu tài chính cho 3 năm gần nhất <sup>(2)</sup> [VND]</b> |               |               |
|------------------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>Năm 1:</b>                                                    | <b>Năm 2:</b> | <b>Năm 3:</b> |

**Thông tin từ Bảng cân đối kế toán**

|                             |  |  |  |
|-----------------------------|--|--|--|
| <b>Tổng tài sản</b>         |  |  |  |
| <b>Tổng nợ</b>              |  |  |  |
| <b>Giá trị tài sản ròng</b> |  |  |  |
| <b>Tài sản ngắn hạn</b>     |  |  |  |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>          |  |  |  |
| <b>Vốn lưu động</b>         |  |  |  |

**Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh**

|                             |  |  |  |
|-----------------------------|--|--|--|
| <b>Tổng doanh thu</b>       |  |  |  |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b> |  |  |  |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>   |  |  |  |

Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, các báo cáo kết quả kinh doanh) cho ba năm gần nhất <sup>(3)</sup> và tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà cung cấp liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ hoặc công ty con hoặc công ty liên kết với nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh.
2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.
3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành, kèm theo là bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây (nếu có):
  - Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
  - Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận

của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;

- Tài liệu chứng minh việc nhà cung cấp đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Nếu khoảng thời gian được quy định tại tiêu chí đánh giá 3.1 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX là 4 hoặc 5 năm thì các cột tại bảng trên cần được mở rộng cho phù hợp.

(3) Khoảng thời gian được nêu ở đây cần giống khoảng thời gian được quy định tại Tiêu chí đánh giá 3.1 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

---

**DOANH THU BÌNH QUÂN HÀNG NĂM <sup>(1)</sup>**

Từng nhà cung cấp hoặc thành viên liên danh phải ghi vào Mẫu này.

Thông tin được cung cấp phải là doanh thu hàng năm của nhà cung cấp hoặc của từng thành viên liên danh về các khoản tiền theo hóa đơn xuất cho nhà cung cấp hoặc của từng thành viên liên danh trong từng năm đối với công việc đang thực hiện hoặc đã hoàn thành.

| <b>Số liệu doanh thu hàng năm cho ____ năm gần nhất<sup>(2)</sup></b> |                      |
|-----------------------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>Năm</b>                                                            | <b>Số tiền (VND)</b> |
|                                                                       |                      |
|                                                                       |                      |
|                                                                       |                      |
| <b>Doanh thu bình quân hàng năm<sup>(3)</sup></b>                     |                      |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà cung cấp liên danh thì từng thành viên của nhà cung cấp liên danh phải ghi vào Mẫu này.

(2) Bên mời chào hàng cần ghi thời hạn được mô tả tại tiêu chí đánh giá 3.2 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSDX.

(3) Để xác định doanh thu bình quân hàng năm, nhà cung cấp sẽ chia tổng doanh thu của các năm cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ

| Hợp đồng tương tự                                                                                                                                          |                                                                             |                    |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------|
| Hợp đồng số __ ngày __ tháng __ năm __                                                                                                                     | Thông tin hợp đồng                                                          |                    |
| Ngày trao hợp đồng: ngày __ tháng __ năm __                                                                                                                | Ngày hoàn thành: ngày __ tháng __ năm __                                    |                    |
| Tổng giá hợp đồng                                                                                                                                          | _____ VND                                                                   |                    |
| Nếu là thành viên trong liên danh hoặc nhà cung cấp phụ, nêu rõ khoản tiền thành viên đó tham gia trong tổng giá hợp đồng                                  | Tỷ lệ trên tổng giá hợp đồng                                                | Số tiền: _____ VND |
| Tên Chủ đầu tư                                                                                                                                             |                                                                             |                    |
| Địa chỉ                                                                                                                                                    |                                                                             |                    |
| Điện thoại/Số Fax                                                                                                                                          |                                                                             |                    |
| E-mail                                                                                                                                                     |                                                                             |                    |
| Mô tả đặc điểm tương tự tại tiêu chí đánh giá 4 Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực tài chính và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá HSĐX |                                                                             |                    |
| Mô tả yêu cầu về tính chất tương tự <sup>(1)</sup>                                                                                                         | Đặc điểm tương tự của hợp đồng mà nhà cung cấp đã hoàn thành <sup>(2)</sup> |                    |

Ghi chú:

(1) Bên mời chào hàng cần ghi quy mô hợp đồng, mức độ phức tạp, các phương pháp, công nghệ hoặc các đặc điểm khác như mô tả trong Chương IV - Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(2) Nhà cung cấp cần ghi các đặc điểm tương tự của hợp đồng để chứng minh sự đáp ứng về hợp đồng tương tự.

**BẢN LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà cung cấp phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu dưới đây và phải gửi kèm theo bản chụp được chứng thực các văn bản, chứng chỉ có liên quan.

|                    |                                    |                                                          |
|--------------------|------------------------------------|----------------------------------------------------------|
| Vị trí             |                                    |                                                          |
| Thông tin nhân sự  | Tên                                | Ngày, tháng, năm sinh:                                   |
|                    | Trình độ chuyên môn                |                                                          |
| Công việc hiện tại | Tên của người sử dụng lao động     |                                                          |
|                    | Địa chỉ của người sử dụng lao động |                                                          |
|                    | Điện thoại                         | Người liên lạc (trưởng phòng / cán bộ phụ trách nhân sự) |
|                    | Fax                                | E-mail                                                   |
|                    | Chức danh                          | Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại      |

# **BẢN KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN**

Tóm tắt kinh nghiệm chuyên môn theo trình tự thời gian từ hiện tại trở về trước. Nêu rõ các kinh nghiệm chuyên môn và kinh nghiệm quản lý cụ thể liên quan đến gói mua sắm.

| Từ | Đến | Công ty / Dự án / Chức vụ / Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan |
|----|-----|----------------------------------------------------------------------------|
|    |     |                                                                            |
|    |     |                                                                            |
|    |     |                                                                            |
|    |     |                                                                            |
|    |     |                                                                            |
|    |     |                                                                            |
|    |     |                                                                            |

## BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ

Nhà cung cấp chỉ được kê khai những thiết bị thi công chủ yếu đáp ứng yêu cầu đối với các thiết bị chính như đã nêu trong danh sách theo yêu cầu quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương II- Tiêu chuẩn đánh giá HSDX mà có thể sẵn sàng huy động cho gói mua sắm; không được kê khai những thiết bị đã huy động cho gói mua sắm khác có thời gian huy động trùng với thời gian thực hiện gói mua sắm này. Trường hợp kê khai không trung thực thì nhà cung cấp sẽ bị đánh giá là gian lận.

Thiết bị thi công phải thuộc sở hữu của nhà cung cấp hoặc có thể đi thuê nhưng nhà cung cấp phải chứng minh khả năng huy động để đáp ứng yêu cầu của gói mua sắm. Trường hợp đi thuê thì phải có hợp đồng/hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị và tài liệu chứng minh thiết bị thuộc sở hữu của bên cho thuê. Nhà cung cấp phải kê khai theo mẫu dưới đây đối với mỗi loại thiết bị:

|                    |                                                                                                                                                                                        |                 |
|--------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|
| Loại thiết bị      |                                                                                                                                                                                        |                 |
| Thông tin thiết bị | Tên nhà sản xuất                                                                                                                                                                       | Đời máy (model) |
|                    | Công suất                                                                                                                                                                              | Năm sản xuất    |
|                    | Tính năng                                                                                                                                                                              | Xuất xứ         |
| Hiện trạng         | Địa điểm hiện tại của thiết bị                                                                                                                                                         |                 |
|                    | Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại                                                                                                                             |                 |
| Nguồn              | Nêu rõ nguồn thiết bị<br><input type="checkbox"/> Sở hữu của nhà cung cấp <input type="checkbox"/> Đi thuê <input type="checkbox"/> Cho thuê <input type="checkbox"/> Chế tạo đặc biệt |                 |

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà cung cấp phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

|            |                                                                                       |                  |
|------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------|
| Chủ sở hữu | Tên chủ sở hữu                                                                        |                  |
|            | Địa chỉ chủ sở hữu                                                                    |                  |
|            | Số điện thoại                                                                         | Tên và chức danh |
|            | Số fax                                                                                | Telex            |
| Thỏa thuận | Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho công trình |                  |
|            |                                                                                       |                  |
|            |                                                                                       |                  |
|            |                                                                                       |                  |

## Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

### Mục 1. Giới thiệu về công trình, gói mua sắm

1. Tên công trình: CTSC phòng họp tầng 16 Tòa MB Sunny 259 Trần Hưng Đạo
2. Địa điểm: 259 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Tên gói mua sắm: Cải tạo xây dựng và cung cấp, lắp đặt nội thất, thiết bị
4. Chủ đầu tư: Ngân hàng TMCP Quân đội (MB)
5. Hồ sơ thiết kế: Theo Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình được chủ đầu tư phê duyệt.

#### 6. Phạm vi công việc của gói mua sắm:

a) Thi công xây dựng công trình theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt. Bao gồm các hạng mục:

- Phần xây dựng
- Phần điện
- Phần lan thoi
- Phần PCCC
- Phần ĐHKK
- Phần Logo, quảng cáo
- Phần nội thất

(Chi tiết công việc theo Mẫu số 5 – Bảng tổng hợp giá chào)

#### b) Các công việc cụ thể nhà cung cấp phải thực hiện bao gồm:

- Bàn giao và tiếp nhận, quản lý mặt bằng xây dựng, tiếp nhận và bảo quản tim, cốt, mốc giới công trình.
- Cung cấp vật liệu xây dựng, nhân lực, máy và thiết bị thi công để thi công xây dựng công trình theo hợp đồng.
- Thi công xây dựng công trình theo đúng hồ sơ thiết kế được phê duyệt và quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng hiện hành.
- Kiểm soát chất lượng công việc xây dựng và lắp đặt thiết bị; giám sát thi công xây dựng công trình đối với công việc xây dựng do nhà cung cấp phụ thực hiện trong trường hợp là nhà cung cấp chính hoặc nhà cung cấp tổng.
- Xử lý, khắc phục các sai sót, khiếm khuyết về chất lượng trong quá trình thi công xây dựng (nếu có).
- Thực hiện nghiệm thu công việc chuyên bước thi công, nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
- Thực hiện các công tác bảo đảm an toàn, bảo vệ và vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ;
- Bảo vệ công trường, mặt bằng thi công trong phạm vi hợp đồng thi công;
- Thực hiện các công tác bảo đảm an ninh trật tự cho khu vực công trường;
- Hợp tác với các nhà cung cấp khác trên công trường (nếu có);

- Thu dọn công trường và bàn giao sản phẩm xây dựng sau khi hoàn thành.
- Các công việc khác trong quá trình thực hiện hợp đồng theo thoả thuận của hợp đồng, các tài liệu kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật.

#### **Mục 2. Yêu cầu về tiến độ**

Tiến độ thực hiện hợp đồng: 30 ngày (bao gồm cả ngày nghỉ thứ 7, chủ nhật, không kể ngày nghỉ lễ, Tết theo quy định)

#### **Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật**

Nhà cung cấp phải tuân thủ theo các yêu cầu kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật thể hiện trên bản vẽ thiết kế thi công và hồ sơ yêu cầu. Ngoài ra, nhà cung cấp còn phải thực hiện các công việc cần thiết trong quá trình xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng bao gồm tổ chức thi công, giám sát, nghiệm thu, thử nghiệm, an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, huy động thiết bị, kiểm tra, giám sát chất lượng và các yêu cầu khác (nếu có). Nhà cung cấp phải cam kết bảo hành công trình trong thời gian 12 tháng.

#### **Mục 4. Các bản vẽ**

Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình được chủ đầu tư phê duyệt.

## Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG<sup>1</sup>

Chủ đầu tư quyết định việc sử dụng Hợp đồng theo mẫu quy định tại HSYC hoặc một mẫu Hợp đồng khác.

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Hợp đồng số: \_\_\_\_\_

Gói mua sắm: \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm]

Thuộc công trình: \_\_\_\_\_ [Ghi tên công trình]

- Căn cứ <sup>2</sup> \_\_\_\_\_ [Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13];

- Căn cứ \_\_\_\_\_ [căn cứ tính chất, yêu cầu của các gói mua sắm mà quy định các căn cứ pháp lý cho phù hợp];

- Căn cứ Văn bản số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của \_\_\_\_ về việc phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp gói mua sắm \_\_\_\_\_ [Ghi tên gói mua sắm] và thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ của bên mời chào hàng;

- Căn cứ biên bản hoàn thiện hợp đồng đã được bên mời chào hàng và nhà cung cấp trúng chào hàng ký ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

**Chủ đầu tư (sau đây gọi là Bên A)**

Tên chủ đầu tư [Ghi tên chủ đầu tư]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền ký hợp đồng số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

**Nhà cung cấp (sau đây gọi là Bên B)**

Tên nhà cung cấp [Ghi tên nhà cung cấp trúng chào hàng]: \_\_\_\_\_

Địa chỉ: \_\_\_\_\_

Điện thoại: \_\_\_\_\_

<sup>1</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói mua sắm, nội dung dự thảo hợp đồng theo Mẫu này có thể sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. Đối với gói mua sắm có giá trị lớn thì có thể vận dụng Điều kiện hợp đồng nêu tại Mẫu số 01, 02 của Thông tư này.

<sup>2</sup> Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành.

Fax: \_\_\_\_\_

E-mail: \_\_\_\_\_

Tài khoản: \_\_\_\_\_

Mã số thuế: \_\_\_\_\_

Đại diện là ông/bà: \_\_\_\_\_

Chức vụ: \_\_\_\_\_

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền) hoặc các tài liệu khác có liên quan.

Hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

### **Điều 1. Đối tượng hợp đồng**

Bên A giao cho Bên B thực hiện việc thi công xây dựng, lắp đặt công trình theo đúng bản vẽ thiết kế thi công kèm theo.

### **Điều 2. Thành phần hợp đồng**

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:

1. Văn bản hợp đồng (kèm theo Phụ lục);
2. Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
3. Văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
4. Hồ sơ đề xuất và các văn bản làm rõ hồ sơ đề xuất của nhà cung cấp trúng chào hàng (nếu có);
5. Hồ sơ yêu cầu và các tài liệu sửa đổi, làm rõ hồ sơ yêu cầu (nếu có);
6. Các tài liệu kèm theo khác (nếu có).

### **Điều 3. Trách nhiệm của Bên A**

Bên A cam kết thanh toán cho Bên B theo giá hợp đồng và phương thức thanh toán nêu tại Điều 5 của hợp đồng này cũng như thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong hợp đồng.

### **Điều 4. Trách nhiệm của Bên B**

Bên B cam kết tiến hành công việc xây lắp theo đúng bản vẽ thiết kế thi công nêu trong HSYC, tuân thủ quy định của pháp luật về xây dựng trong và sau quá trình thi công đồng thời cam kết thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm được nêu trong hợp đồng.

### **Điều 5. Giá hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ].
2. Phương thức thanh toán:
  - a) Hình thức thanh toán \_\_\_\_\_ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói mua sắm mà quy định thanh toán bằng tiền mặt, thư tín dụng, hoặc chuyển khoản...].
  - b) Thời hạn thanh toán \_\_\_\_\_ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói mua sắm mà quy định thời hạn thanh toán ngay hoặc trong vòng một số ngày nhất định kể từ khi nhà cung cấp xuất trình đầy đủ các chứng từ theo yêu cầu. Đồng thời, cần quy định cụ thể về chứng từ thanh

toán phù hợp với quy định của pháp luật].

c) Số lần thanh toán \_\_\_\_\_ [Căn cứ tính chất và yêu cầu của gói mua sắm mà quy định số lần thanh toán, có thể theo giai đoạn, theo phần công việc đã hoàn thành hoặc thanh toán một lần khi hoàn thành toàn bộ hợp đồng].

**Điều 6. Loại hợp đồng:** Hợp đồng theo đơn giá cố định

**Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Ghi thời gian thực hiện hợp đồng phù hợp với yêu cầu của HSYC và kết quả thương thảo, hoàn thiện hợp đồng giữa hai bên].

**Điều 8. Hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng**

1. Việc hiệu chỉnh, bổ sung hợp đồng có thể được thực hiện trong các trường hợp sau: \_\_\_\_\_ [Ghi các trường hợp mà hợp đồng có thể được điều chỉnh cho phù hợp với tính chất của gói mua sắm].

2. Trường hợp phát sinh các hạng mục công việc ngoài phạm vi hợp đồng, Bên A và Bên B sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở triển khai.

**Điều 9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

1. Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo các yêu cầu sau:

- Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Căn cứ quy mô, tính chất của gói mua sắm mà nêu cụ thể thời hạn yêu cầu].

- Hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ [Nêu cụ thể hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng. Căn cứ yêu cầu của gói mua sắm mà quy định việc áp dụng một hoặc các hình thức bảo đảm như: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ].

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: \_\_\_\_\_ % giá hợp đồng [Ghi giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng từ 2%-3% giá hợp đồng].

- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến hết ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_ [Căn cứ tính chất, yêu cầu của gói mua sắm mà quy định thời hạn này cho phù hợp].

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Bên A khi Bên B không hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm của mình theo hợp đồng làm phát sinh thiệt hại cho Bên A; bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng.

3. Bên A phải hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên B trong thời hạn: \_\_\_\_\_ [Ghi thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng căn cứ tính chất và yêu cầu của gói mua sắm].

**Điều 10. Chấm dứt hợp đồng**

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà cung cấp khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

#### **Điều 11. Tư vấn giám sát**

Tư vấn giám sát có trách nhiệm thực hiện các công việc nêu trong hợp đồng.

Tư vấn giám sát có thể đưa ra chỉ dẫn cho nhà cung cấp về việc thi công xây dựng công trình và sửa chữa sai sót vào bất kỳ lúc nào. Nhà cung cấp phải tuân theo các chỉ dẫn của tư vấn giám sát.

Trường hợp chủ đầu tư thay đổi tư vấn giám sát, chủ đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp.

#### **Điều 12. Vật tư, máy móc, thiết bị**

Nhà cung cấp phải đảm bảo tất cả vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng cho công trình đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật và được kiểm định theo quy định của pháp luật.

Chủ đầu tư sẽ kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị tại nơi khai thác, nơi sản xuất hoặc tại công trường vào bất kỳ thời điểm nào.

Nhà cung cấp phải đảm bảo bố trí cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc kiểm tra vật tư, máy móc, thiết bị nêu trên.

#### **Điều 13. Bảo hành, sửa chữa, khắc phục sai sót**

Nhà cung cấp bảo đảm thực hiện chế độ bảo hành đối với công trình như đã nêu trong HSDX.

Kể từ ngày hoàn thành cho đến khi kết thúc thời hạn bảo hành công trình, chủ đầu tư sẽ thông báo cho nhà cung cấp về các sai sót trong công trình. Thời hạn bảo hành công trình phải được gia hạn cho đến khi các sai sót được sửa chữa xong.

Mỗi lần có thông báo về sai sót trong công trình, nhà cung cấp phải tiến hành sửa chữa sai sót đó trong khoảng thời gian quy định mà chủ đầu tư đã thông báo.

Nếu nhà cung cấp không sửa chữa sai sót trong khoảng thời gian được chủ đầu tư quy định tại thông báo sai sót trong công trình thì chủ đầu tư được thuê tổ chức khác khắc phục sai sót, xác định chi phí khắc phục sai sót và nhà cung cấp sẽ phải hoàn trả khoản chi phí này.

#### **Điều 14. Nghiệm thu, hoàn công**

Chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu theo quy định của pháp luật xây dựng chuyên ngành hiện hành. Biên bản nghiệm thu phải được đại diện chủ đầu tư, tư vấn giám sát và nhà cung cấp ký xác nhận.

#### **Điều 15. Giải quyết tranh chấp**

1. Bên A và Bên B có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian: \_\_\_\_\_ *[Ghi cụ thể thời gian]* kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế: \_\_\_\_\_ *[Ghi cơ chế xử lý tranh chấp]*.

**Điều 16. Hiệu lực hợp đồng**

1. Hợp đồng có hiệu lực kể từ \_\_\_\_\_ *[Ghi cụ thể ngày có hiệu lực của hợp đồng]*.
2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành \_\_\_\_\_ bộ, chủ đầu tư giữ \_\_\_\_\_ bộ, nhà cung cấp giữ \_\_\_\_\_ bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
NHÀ CUNG CẤP**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA  
CHỦ ĐẦU TƯ**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**PHỤ LỤC**  
**BẢNG GIÁ HỢP ĐỒNG**

(Kèm theo hợp đồng số \_\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_\_ tháng \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_)

*[Phụ lục này được lập trên cơ sở HSYC, HSDX và những thỏa thuận đạt được trong quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng, bao gồm các nội dung trong Biểu giá theo Mẫu số 05 trong Mẫu HSYC này]*

**BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG<sup>(1)</sup>**

\_\_\_\_, ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_\_ [ghi tên chủ đầu tư]

(sau đây gọi là chủ đầu tư)

Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là nhà cung cấp) là nhà cung cấp đã trúng chào hàng gói mua sắm \_\_\_\_\_ [ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_\_\_\_\_ [Ghi tên công trình] và cam kết sẽ ký kết hợp đồng cho gói mua sắm trên (sau đây gọi là hợp đồng); <sup>(2)</sup>

Theo quy định trong HSYC (hoặc hợp đồng), nhà cung cấp phải nộp cho Chủ đầu tư bảo lãnh của một ngân hàng với một khoản tiền xác định để bảo đảm nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện hợp đồng;

Chúng tôi, \_\_\_\_\_ [ghi tên của ngân hàng] có trụ sở đăng ký tại \_\_\_\_\_ [ghi địa chỉ của ngân hàng<sup>(3)</sup>] (sau đây gọi là “Ngân hàng”), xin cam kết bảo lãnh cho việc thực hiện hợp đồng của Nhà cung cấp với số tiền là \_\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị tương ứng bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng theo quy định tại hợp đồng]. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn \_\_\_\_\_ [ghi số tiền bảo lãnh] như đã nêu trên, khi có văn bản của chủ đầu tư thông báo nhà cung cấp vi phạm hợp đồng trong thời hạn hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

Bảo lãnh này có hiệu lực kể từ ngày phát hành cho đến hết ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ <sup>(4)</sup>.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Chỉ áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Nếu ngân hàng bảo lãnh yêu cầu phải có hợp đồng đã ký mới cấp giấy bảo lãnh thì Bên mời chào hàng sẽ báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định. Trong trường hợp này, đoạn trên có thể sửa lại như sau:

“Theo đề nghị của \_\_\_\_\_ [ghi tên nhà cung cấp] (sau đây gọi là nhà cung cấp) là nhà cung cấp trúng chào hàng gói mua sắm \_\_\_\_\_ [ghi tên gói mua sắm] thuộc công trình \_\_\_\_\_ [Ghi tên công trình] đã ký hợp đồng số \_\_\_\_\_ [ghi số hợp đồng] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (sau đây gọi là Hợp đồng).”

(3) Địa chỉ ngân hàng: ghi rõ địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail để liên hệ.

(4) Ghi thời hạn phù hợp với yêu cầu quy định tại hợp đồng.

